BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI

Giảng viên hướng dẫn: **TS. Phạm Thị Bích Vân**
Sinh viên thực hiện: **Nguyễn Hạ Uyên**
Mã số sinh viên: **2254010057**
Khóa học: **2022 – 2026**
Lớp: **22KH2**

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỀ TÀI
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI

Giảng viên hướng dẫn: **TS. Phạm Thị Bích Vân**
Sinh viên thực hiện: **Nguyễn Hạ Uyên**
Mã số sinh viên: **2254010057**
Khóa học: **2022 – 2026**
Lớp: **22KH2**

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. **Thông tin tác giả thực hiện**

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Hạ Uyên
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. **Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp**

"Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi"

3. **Nội dung**

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi.

Chương 3: Nhận xét và giải pháp kiến nghị hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi.

4. **Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp:** 02/03/2026
5. **Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận:** 25/05/2026
6. **Giảng viên hướng dẫn:** TS. Phạm Thị Bích Vân

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 1

1.1. Các vấn đề chung doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 1

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh 1

1.1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 2

1.1.3. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán trong doanh nghiệp 2

1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 4

1.2.1. Khái niệm về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 4

1.2.2. Nguyên tắc và điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 4

1.2.3. Chứng từ - Tài khoản sử dụng 5

1.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 6

1.3.1. Khái niệm 6

1.3.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng 7

1.3.3. Trình tự hạch toán 7

1.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 8

1.4.1. Khái niệm 8

1.4.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng 8

1.4.3. Trình tự hạch toán 8

1.5. Kế toán các khoản thu nhập khác 10

1.5.1. Khái niệm 10

1.5.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng 10

1.5.3. Trình tự hạch toán 11

1.6. Kế toán giá vốn hàng bán 12

1.6.1 Khái niệm 12

1.6.2. Phương pháp tính giá vốn 13

1.6.3. Chứng từ - Tài khoản sử dụng 14

1.6.4. Trình tự hạch toán 15

1.7. Kế toán chi phí tài chính.....16
1.7.1. Khái niệm.....16
1.7.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.....16
1.7.3. Trình tự hạch toán.....17
1.8. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....18
1.8.1. Khái niệm.....18
1.8.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.....19
1.8.3. Trình tự hạch toán.....20
1.9. Kế toán chi phí khác.....21
1.9.1. Khái niệm.....21
1.9.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.....21
1.9.3. Trình tự hạch toán.....22
1.10. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....22
1.10.1. Khái niệm.....22
1.10.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.....23
1.10.3. Trình tự hạch toán.....24
1.11. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....24
1.11.1. Khái niệm.....24
1.11.2. Tài khoản sử dụng.....25
1.11.3. Trình tự hạch toán.....25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI.....27
2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi.....27
2.1.1. Thông tin khái quát về công ty.....27
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....27
2.1.3. Ngành nghề kinh doanh của công ty.....28
2.1.4. Đặc điểm tổ chức quản lý tại công ty.....28
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty.....30
2.1.6. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán được áp dụng tại công ty..30
2.1.7. Hình thức ghi sổ và phần mềm kế toán tại công ty.....31

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi 34
a) Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty 34
b) Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán 34
c) Quy trình luân chuyển chứng từ bán hàng tại công ty 34
2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty 35
a) Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty 35
b) Chứng từ sử dụng 35
c) Sổ sách kế toán 35
d) Tài khoản sử dụng 35
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 42
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 42
a) Chứng từ kế toán 42
b) Sổ sách kế toán 42
c) Tài khoản sử dụng 43
2.2.4. Kế toán các khoản thu nhập khác 46
2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán 46
a) Chứng từ kế toán 46
b) Sổ sách kế toán 46
c) Tài khoản sử dụng 47
d) Phương pháp tính giá xuất kho tại công ty 47
2.2.6. Kế toán chi phí tài chính 51
2.2.7. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 51
a) Chứng từ kế toán 51
b) Sổ sách kế toán 52
c) Tài khoản sử dụng 52
2.2.8. Kế toán chi phí khác 59
a) Chứng từ kế toán 59
b) Sổ sách kế toán 59
c) Tài khoản sử dụng 60
2.2.9. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp 64
2.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh 68
a) Chứng từ kế toán 69

b) Sổ sách kế toán 69
c) Tài khoản sử dụng 69

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI 75

3.1 Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi. 75
3.1.1. Ưu điểm 75
3.1.2. Nhược điểm 75

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi 76

KẾT LUẬN 78

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1	Sơ đồ kế toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Sơ đồ 1.2	Sơ đồ kế toán Các khoản giảm trừ doanh thu
Sơ đồ 1.3	Sơ đồ kế toán Doanh thu hoạt động tài chính
Sơ đồ 1.4	Sơ đồ kế toán Thu nhập khác
Sơ đồ 1.5	Sơ đồ kế toán Giá vốn hàng bán
Sơ đồ 1.6	Sơ đồ kế toán Chi phí tài chính
Sơ đồ 1.7	Sơ đồ kế toán Chi phí Quản lý kinh doanh
Sơ đồ 1.8	Sơ đồ kế toán Chi phí khác
Sơ đồ 1.9	Sơ đồ kế toán Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Sơ đồ 1.10	Sơ đồ kế toán Xác định kết quả kinh doanh
Sơ đồ 2.1	Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý công ty
Sơ đồ 2.2	Sơ đồ Bộ máy kế toán của công ty
Sơ đồ 2.3	Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán
Sơ đồ 2.4	Sơ đồ ghi sổ theo phần mềm Easybooks

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Ảnh 2.1	Giao diện khởi động phần mềm Easybooks
Ảnh 2.2	Hóa đơn GTGT số 119 ngày 26/06/2025
Ảnh 2.3	Màn hình phân hệ bán hàng trên Easybooks
Ảnh 2.4	Giao diện khi nhập số liệu ghi nhận bán hàng theo hóa đơn 119 trên phần mềm Easybooks
Ảnh 2.5	Giao diện sau khi nhập hóa đơn 119 vào phần mềm
Ảnh 2.6	Phiếu thu hóa đơn 119 ngày 26/06/2025
Ảnh 2.7	Sổ phụ của ngân hàng Sacombank tháng 10
Ảnh 2.8	Giấy báo có lãi tiền gửi ngân hàng
Ảnh 2.9	Màn hình nhập liệu chứng từ ngân hàng
Ảnh 2.10	Giao diện phiếu xuất kho của giá vốn trên phần mềm theo HĐ 119
Ảnh 2.11	Màn hình giao diện nghiệp vụ tính giá xuất kho từ phần mềm
Ảnh 2.12	Màn hình giá vốn từ phần mềm theo hóa đơn 119
Ảnh 2.13	Phiếu xuất kho hóa đơn 119 ngày 26/06/2025
Ảnh 2.14	Giao diện hạch toán thuế môn bài trên phần mềm
Ảnh 2.15	Giấy nộp tiền thuế môn bài
Ảnh 2.16	Giao diện hạch toán nộp tiền thuế môn bài
Ảnh 2.17	Giấy báo nợ nộp tiền thuế môn bài
Ảnh 2.18	Hóa đơn chi phí vận chuyển số 1929
Ảnh 2.19	Giao diện hạch toán chi phí cước vận chuyển theo hóa đơn 1929
Ảnh 2.20	Phiếu chi cước vận chuyển theo hóa đơn 1929
Ảnh 2.21	Hóa đơn 43963 mạng VNPT
Ảnh 2.22	Giao diện hạch toán tiền mạng VNPT theo hóa đơn 43963
Ảnh 2.23	Phiếu chi tiền mạng VNPT theo hóa đơn 43963
Ảnh 2.24	Giao diện phân bổ công cụ dụng cụ trên phần mềm Easybooks
Ảnh 2.25	Giao diện hạch toán phân bổ chi phí trả trước
Ảnh 2.26	Bảng phân bổ chi phí trả trước tháng 11
Ảnh 2.27	Màn hình thông báo khoản chậm nộp
Ảnh 2.28	Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước
Ảnh 2.29	Giấy báo nợ tiền chậm nộp thuế
Ảnh 2.30	Giao diện hạch toán tiền chậm nộp thuế TNDN
Ảnh 2.31	Tờ khai quyết toán thuế TNDN
Ảnh 2.33	Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mẫu số 03-1A/TNDN
Ảnh 2.33	Giao diện kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh
Ảnh 2.34	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng biểu 2.1	Sổ chi tiết tài khoản 5111
Bảng biểu 2.2	Sổ cái tài khoản 511
Bảng biểu 2.3	Sổ chi tiết tài khoản 515
Bảng biểu 2.4	Sổ cái tài khoản 515
Bảng biểu 2.5	Sổ chi tiết tài khoản 632
Bảng biểu 2.6	Sổ cái tài khoản 632
Bảng biểu 2.7	Sổ chi tiết tài khoản 6422
Bảng biểu 2.8	Sổ cái tài khoản 6422
Bảng biểu 2.9	Sổ chi tiết tài khoản 811
Bảng biểu 2.10	Sổ cái tài khoản 811
Bảng biểu 2.11	Sổ chi tiết tài khoản 911
Bảng biểu 2.12	Sổ cái tài khoản 911
Bảng biểu 2.13	Sổ nhật ký chung

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Diễn giải
TT	Thông tư
BTC	Bộ tài chính
NĐ	Nghị định
CP	Chính phủ
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
GTGT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản
BH & CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
KQKD	Kết quả kinh doanh
XK	Xuất khẩu
PXK	Phiếu xuất kho
HH	Hàng hóa
TS	Tài sản
HĐ	Hóa đơn
TSCĐ	Tài sản cố định
KH	Khách hàng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
CCDC	Công cụ dụng cụ
QH	Quốc hội
GVHB	Giá vốn hàng bán
SXKD	Sản xuất kinh doanh
QLKD	Quản lý kinh doanh
KH&CN	Khoa học và công nghệ
BVMT	Bảo vệ môi trường
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
NSNN	Ngân sách Nhà nước

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập tại trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, em đã nhận được sự giảng dạy tận tình và tâm huyết từ các thầy cô, giúp em tiếp thu được những kiến thức quý báu. Đây là nền tảng quan trọng hỗ trợ em không chỉ trong thời gian thực tập mà còn trong công việc sau khi ra trường. Thành công không thể đạt được nếu thiếu sự giúp đỡ, hướng dẫn từ những người đi trước. Vì vậy, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu nhà trường cùng quý thầy cô đã đồng hành và truyền đạt kiến thức cho em. Em kính chúc quý thầy cô luôn mạnh khỏe và công tác tốt.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô Phạm Thị Bích Vân – giảng viên hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, người đã tận tình hướng dẫn, góp ý và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Những ý kiến đóng góp quý báu của cô đã giúp em hoàn thiện bài báo cáo tốt nghiệp của mình.

Trong thời gian học tập, em có cơ hội thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi. Qua 3 tháng thực tập tại đây, em đã có cơ hội tiếp cận thực tế công việc, học hỏi thêm nhiều kiến thức chuyên môn và vận dụng những lý thuyết đã học vào thực tiễn. Qua đó, em tích lũy thêm kinh nghiệm và hiểu rõ hơn về công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Tuy nhiên, do thời gian thực tập có hạn và kiến thức thực tế của bản thân còn nhiều hạn chế nên bài báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để em có thể bổ sung, hoàn thiện kiến thức và nâng cao chuyên môn trong thời gian tới.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô ạ.

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ, các doanh nghiệp không chỉ có nhiều cơ hội mở rộng hoạt động kinh doanh mà còn phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường. Để nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững, doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống quản lý chặt chẽ, đặc biệt là công tác quản lý tài chính – kế toán. Trong đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò quan trọng vì đây là cơ sở giúp doanh nghiệp phản ánh chính xác tình hình hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực và hỗ trợ nhà quản lý đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi, em đã có cơ hội tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại doanh nghiệp, đặc biệt là quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Qua quá trình tìm hiểu, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong việc phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của công ty. Vì vậy, em đã lựa chọn đề tài: "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi" làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu và đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi; tìm hiểu quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đang được áp dụng tại doanh nghiệp. Đồng thời, đối chiếu giữa kiến thức lý thuyết đã học với thực tế tại công ty nhằm nhận diện những ưu điểm, nhược điểm còn tồn tại trong công tác kế toán. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường phát triển với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, các doanh nghiệp ngày càng phải nâng cao tính độc lập, tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Mỗi doanh nghiệp cần chủ động, sáng tạo trong quản lý và điều hành, đồng thời tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động tài chính của mình, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn. Mục tiêu quan trọng hàng đầu của doanh nghiệp là hoạt động kinh doanh có hiệu quả và tạo ra lợi nhuận.

Để đạt được điều đó, doanh nghiệp cần đặc biệt chú trọng đến khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Đối với các doanh nghiệp thương mại, hoạt động tiêu thụ giữ vai trò then chốt, quyết định trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận và kết quả hoạt động kinh

doanh. Đây cũng là cơ sở để doanh nghiệp bù đắp các chi phí đã bỏ ra và tạo nguồn tích lũy cho quá trình phát triển lâu dài.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, cùng với việc vận dụng những kiến thức lý luận đã được học tập và nghiên cứu tại trường, em đã lựa chọn đề tài: "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh" làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Đối tượng nghiên cứu

Tên công ty: Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuât Hữu Duy Khôi

Địa chỉ: 196 Lê Quảng Chí, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Tổng hợp những vấn đề lý luận về kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, thực hiện và hoàn chỉnh đề tài em đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Nghiên cứu các giáo trình, tài liệu chuyên ngành tại thư viện và internet để xây dựng hệ thống lý luận vững chắc về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phương pháp quan sát, phỏng vấn: Quan sát công việc hằng ngày của các nhân viên kế toán, phỏng vấn các nhân viên kế toán những vấn đề liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.
- Phương pháp phân tích, so sánh: Dựa trên số liệu thu thập được tại Công ty để tiến hành phân tích, so sánh các số liệu nhằm phục vụ cho quá trình nghiên cứu.

5. Cấu trúc đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi.

Chương 3: Nhận xét và giải pháp kiến nghị hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi.

CHƯƠNG 1 – CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1. Các vấn đề chung doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

a) Khái niệm về doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14), Doanh thu được định nghĩa như sau

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

b) Khái niệm về chi phí

Theo Điều 59 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định về Nguyên tắc kế toán chi phí cụ thể như sau

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

c) Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh

Theo Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định.
- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Việc xác định kết quả kinh doanh thường được tiến hành vào cuối kỳ kinh doanh và thường là cuối quý, năm tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp. Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí trong kỳ thì doanh nghiệp có kết quả lãi, ngược lại là lỗ.

1.1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

* Nhiệm vụ

- Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có nhiệm vụ tính toán, tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình kinh doanh, cũng như việc xác định chính xác doanh thu thực tế phát sinh, làm cơ sở để xác định được kết quả của hoạt động kinh doanh. Xác định chính xác kết quả kinh doanh góp phần cung cấp thông tin, giúp doanh nghiệp nghiên cứu, xây dựng mức giá phù hợp cho từng sản phẩm.

* Ý nghĩa

- Việc xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh giúp các nhà quản trị doanh nghiệp nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu và các vấn đề còn tồn tại, từ đó có cơ sở để đưa ra các giải pháp khắc phục kịp thời và xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp cho các giai đoạn tiếp theo. Khi số liệu kế toán được cung cấp một cách chi tiết, chính xác và nhanh chóng, các nhà quản trị sẽ có đủ thông tin để đưa ra những quyết định sáng suốt và hiệu quả hơn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Đặc biệt, việc đảm bảo tính trung thực, hợp lý và khách quan trong các báo cáo tài chính là yếu tố quan trọng để các bên liên quan, đặc biệt là các nhà đầu tư, có thể tin tưởng và đưa ra các quyết định đầu tư chính xác. Vì vậy, nâng cao chất lượng công tác kế toán kết quả kinh doanh là một yêu cầu thiết yếu để duy trì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

1.1.3. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán trong doanh nghiệp

a) Phương thức bán hàng

Phương thức bán hàng là cách thức và phương pháp bán hàng giúp doanh nghiệp bán được nhiều sản phẩm và mang lại lợi nhuận cao bao gồm 2 hình thức là bán buôn và bán lẻ.

- Phương thức bán buôn: Là bán các sản phẩm, hàng hoá, theo lô hoặc số lượng lớn, được chiết khấu cao hoặc giá gốc theo giá trị lô hàng đó. Bán buôn gồm 2 phương thức là bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

+ Bán buôn qua kho: Hàng hóa sau khi mua về được nhập kho, sau đó xuất kho để giao cho khách hàng. Việc giao hàng có thể thực hiện trực tiếp tại kho hoặc vận chuyển đến địa điểm theo thỏa thuận trong hợp đồng dưới 2 hình thức:

  - Hình thức giao hàng trực tiếp: Bên mua cử đại diện đến kho của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho hàng hoá giao trực tiếp cho đại diện bên mua.

- Hình thức chuyển hàng: Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp xuất kho hàng hoá, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm quy định trong hợp đồng.

+ Bán buôn vận chuyển thẳng: Doanh nghiệp sau khi mua hàng, không đưa về nhập kho mà vận chuyển bán thẳng cho bên mua hàng bằng 2 hình thức:
  - Hình thức giao hàng trực tiếp: Sau khi mua hàng từ nhà cung cấp, doanh nghiệp thực hiện giao hàng trực tiếp cho đại diện bên mua tại kho của người bán mà không qua nhập kho của doanh nghiệp.
  - Hình thức chuyển hàng: Sau khi doanh nghiệp mua hàng và nhận hàng xong, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc thuê ngoài chuyển hàng đến giao cho bên mua ở địa điểm được quy định trong hợp đồng kinh tế.

- Phương thức bán lẻ hàng hoá: Là hàng hoá sẽ được chuyển trực tiếp đến tay người tiêu dùng hoặc tổ chức kinh tế. Bán lẻ thường bán với số lượng nhỏ hoặc bán đơn và giá bán thường ổn định hơn. Bán lẻ có thể thực hiện dưới các hình thức sau:
  + Bán lẻ tự phục vụ: Khách hàng sẽ được chọn hàng hoá, sau đó mang đến quầy để người bán hoặc thu ngân tính tiền. Nhân viên đó sẽ kiểm hàng, lập hoá đơn và tính tiền cho khách.
  + Bán lẻ thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền của khách và giao hàng cho khách. Hết ca (hoặc hết ngày), nhân viên bán hàng làm giấy nộp tiền và nộp tiền bán hàng lại cho thủ quỹ hoặc quản lý. Đồng thời kiểm kê hàng hoá để xác định số lượng hàng đã bán ra trong ca.

b) Phương thức thanh toán

- Phương thức thanh toán trực tiếp: Sau khi nhận được hàng mua, bên mua thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, tiền nhân viên tạm ứng, tiền chuyển khoản, có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng), …
- Phương thức thanh toán trả trước: Khách hàng thực hiện thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị đơn hàng trước khi công ty giao hàng, thường áp dụng đối với các đơn hàng lớn hoặc khách hàng mới.
- Phương thức thanh toán trả sau: Bên mua đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán cho bên bán. Việc thanh toán này sẽ được thực hiện theo điều kiện, thoả thuận của hai bên trong quá trình ký kết hợp đồng.

1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1. Khái niệm về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Bán hàng: Là quá trình doanh nghiệp chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm do mình sản xuất hoặc hàng hóa mua vào cho khách hàng, đồng thời thu được hoặc có quyền thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Cung cấp dịch vụ: Là việc doanh nghiệp thực hiện các công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng với khách hàng, có thể diễn ra trong một hoặc nhiều kỳ kế toán, như dịch vụ vận tải, giao nhận, du lịch hoặc cho thuê tài sản theo phương thức cho thuê hoạt động.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong kỳ kế toán, bao gồm cả các khoản thu như tiền bán hàng, tiền cung cấp dịch vụ, hoa hồng, …

1.2.2. Nguyên tắc và điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Theo nguyên tắc cơ sở dồn tích: Doanh nghiệp phải ghi nhận doanh thu khi đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với khách hàng, bất kể khi nào khoản tiền được thu hay không. Ngược lại, doanh nghiệp phải ghi nhận chi phí khi đã phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán cho nhà cung cấp, bất kể khi nào khoản tiền được chi hay không.
- Theo nguyên tắc phù hợp thì doanh thu và chi phí phải được ghi nhận trong cùng một kỳ kế toán. Nguyên tắc này dựa trên mối quan hệ nhân quả giữa chi tiêu và thu nhập, cho rằng các chi phí phải được ghi nhận trong kỳ kế toán mà chúng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu.
- Theo nguyên tắc thận trọng thì kế toán phải thận trọng trong việc ghi nhận các thông tin kế toán, đặc biệt là trong các điều kiện không chắc chắn. Theo đó:

+ Khi chưa có bằng chứng chắc chắn, các khoản mục có thể phát sinh trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp phải được ghi nhận.

+ Các khoản mục có thể mang lại lợi ích cho doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được. Ví dụ, doanh nghiệp nhận được một khoản đặt cọc của khách hàng, thì khoản đặt cọc này chỉ được ghi nhận là doanh thu khi khách hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

b) Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Theo Điều 57 của Thông tư 133/2016/TT-BTC, doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thukhi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hoá, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

1.2.3. Chứng từ - Tài khoản sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế
- Hoá đơn GTGT (nộp thuế theo phương pháp khấu trừ)
- Hoá đơn bán hàng (nộp thuế theo phương pháp trực tiếp)
- Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ
- Phiếu thu, giấy báo có

b) Tài khoản sử dụng

- Để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng tài khoản 511 – ‘‘Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ’’.
- Theo quy định Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2:
  + Tài khoản 5111 – ‘‘Doanh thu bán hàng hoá’’
  + Tài khoản 5112 – ‘‘Doanh thu bán thành phẩm’’
  + Tài khoản 5113 – ‘‘Doanh thu cung cấp dịch vụ’’
  + Tài khoản 5118 – ‘‘Doanh thu khác’’

- Kết cấu tài khoản 511

Nợ	511	Có
+ Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT) + Các khoản giảm trừ doanh thu + Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ báo cáo

1.2.4. Trình tự hạch toán

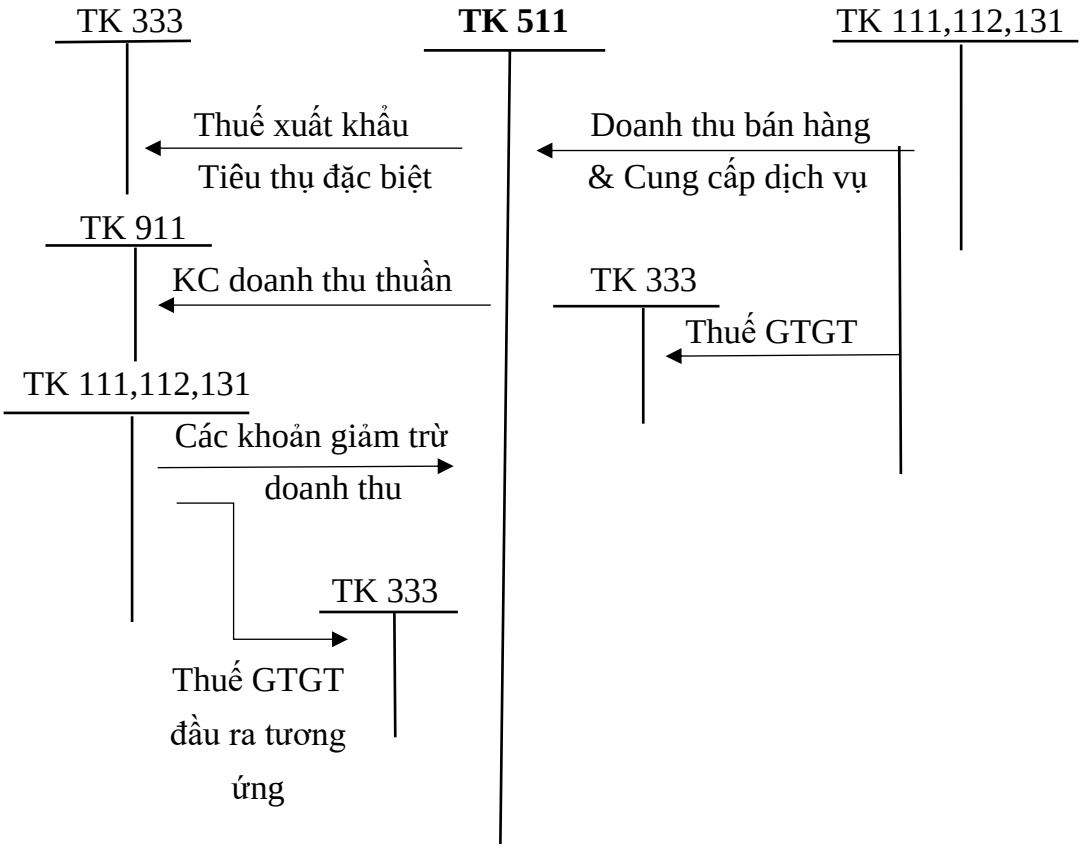

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.1. Khái niệm

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ và doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách mua hàng với số lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

1.3.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại:
  + Hợp đồng kinh tế, biên bản chiết khấu thương mại
  + Hoá đơn GTGT (ghi rõ tỷ lệ và số tiền chiết khấu)
  + Phiếu chi
- Giảm giá hàng bán:
  + Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán
  + Biên bản giảm giá hàng bán
  + Hoá đơn GTGT (thu hồi hoá đơn cũ và lập hoá đơn mới)
- Hàng bán bị trả lại:
  + Hoá đơn trả lại hàng do bên mua lập (ghi rõ lý do trả lại hàng)
  + Biên bản trả lại hàng hoá
  + Phiếu nhập kho
  + Phiếu chi, giấy báo nợ

b) Tài khoản sử dụng

Theo quy định Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng tài khoản 511 – ‘‘Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ’’. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh vào bên Nợ của TK 511.

1.3.3. Trình tự hạch toán

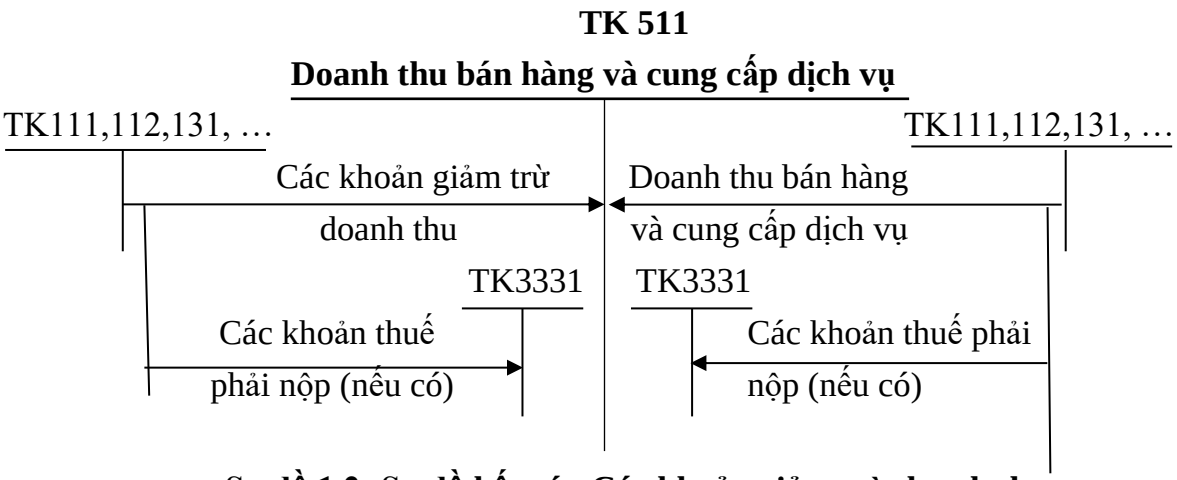

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán Các khoản giảm trừ doanh thu

1.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.4.1. Khái niệm

Theo Điều 58 của Thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Doanh thu hoạt động tài chính là giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, và lợi ích kinh tế này thu được từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- Doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp bao gồm:
  + Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ…
  + Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư
  + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
  + Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
  + Lãi tỷ giá hối đoái gồm cả lãi do bán ngoại tệ;
  + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.4.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Sổ phụ ngân hàng
- Bảng tính tiền lãi, các chứng từ gốc liên quan.

b) Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán doanh thu tài chính, kế toán sử dụng TK 515 – "Doanh thu hoạt động tài chính"
- Kết cấu tài khoản 515:

Nợ	**TK 515**	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

1.4.3. Trình tự hạch toán

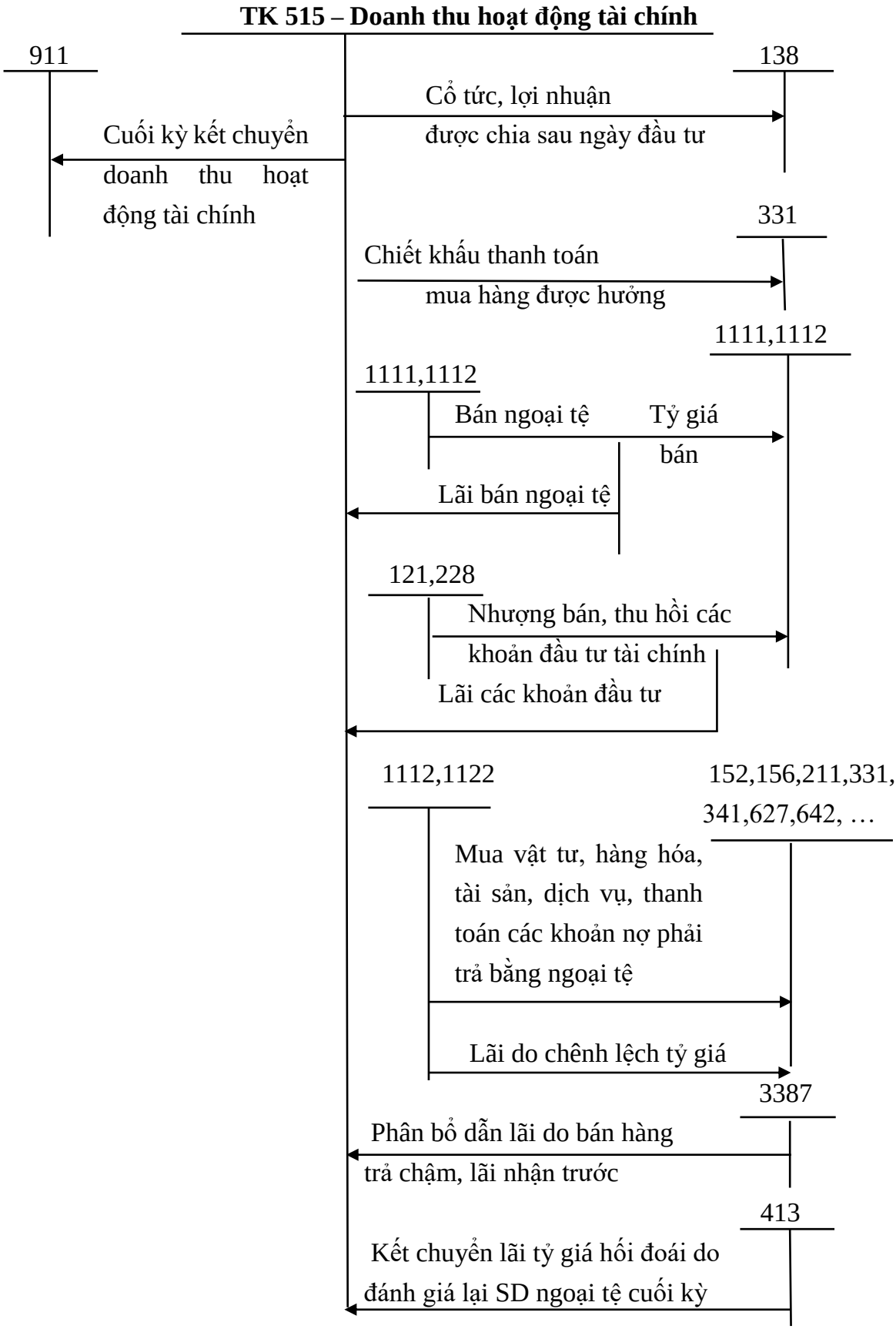

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán Doanh thu hoạt động tài chính

1.5. Kế toán các khoản thu nhập khác

1.5.1. Khái niệm

Theo quy định tại Điều 65 của Thông tư 133/2016/TT-BTC: Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt, bảo vệ môi trường phải nộp nhưng sau đó được giảm).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.5.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ,…

b) Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711 “Thu nhập khác”: tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- Kết cấu tài khoản 711

Nợ	TK 711	Có
+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. + Cuối kỳ kế toán. Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài koản 911 "Xác định kết quả hoạt động kinh doanh"		+ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

1.5.3. Trình tự hạch toán

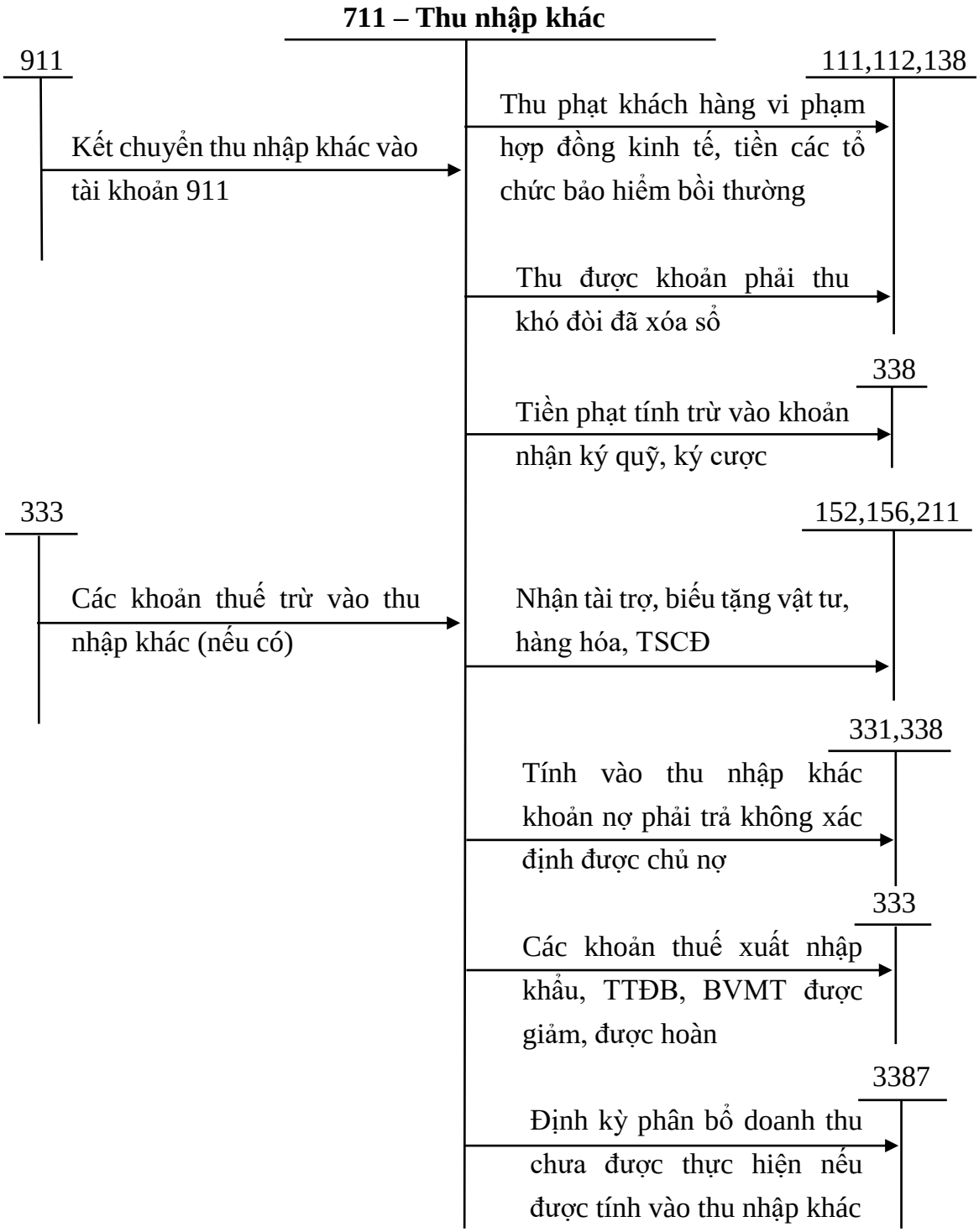

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán Thu nhập khác

1.6. Kế toán giá vốn hàng bán

1.6.1 Khái niệm

Theo Điều 62 của Thông tư 133/2016/TT-BTC

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dung để phản ánh chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

1.6.2. Phương pháp tính giá vốn

a) Phương pháp tính theo giá đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

b) Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được sản xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

c) Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

Theo phương pháp này, giá trị xuất kho của từng loại hàng hoá được tính theo công thức:

Giá trị thực tế của hàng xuất kho trong kỳ	=	Số lượng hàng xuất kho trong kỳ	x	Giá đơn vị bình quân

Phương pháp bình quân gia quyền gồm 2 cách:

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm)

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hoá, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho sau lần nhập thứ n	=	Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Giá trị thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n

- Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ (bình quân cả kỳ dự trữ)

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tuỳ theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	Giá trị thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Giá trị thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Số lượng hàng i tồn đầu kỳ	+	Số lượng hàng i nhập trong kỳ

d) Phương pháp giá bán lẻ

Một số đơn vị có đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự) có thể áp dụng kỹ thuật xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo phương pháp giá bán lẻ. Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng các lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

1.6.3. Chứng từ - Tài khoản sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Bảng tổng hợp Xuất – Nhập – Tồn

b) Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán – dùng để phản ánh giá vốn hàng bán của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Nợ	TK 632	Có
+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ… + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 + Giá trị hàng bán bị trả lại nhập kho. + Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

1.6.4. Trình tự hạch toán

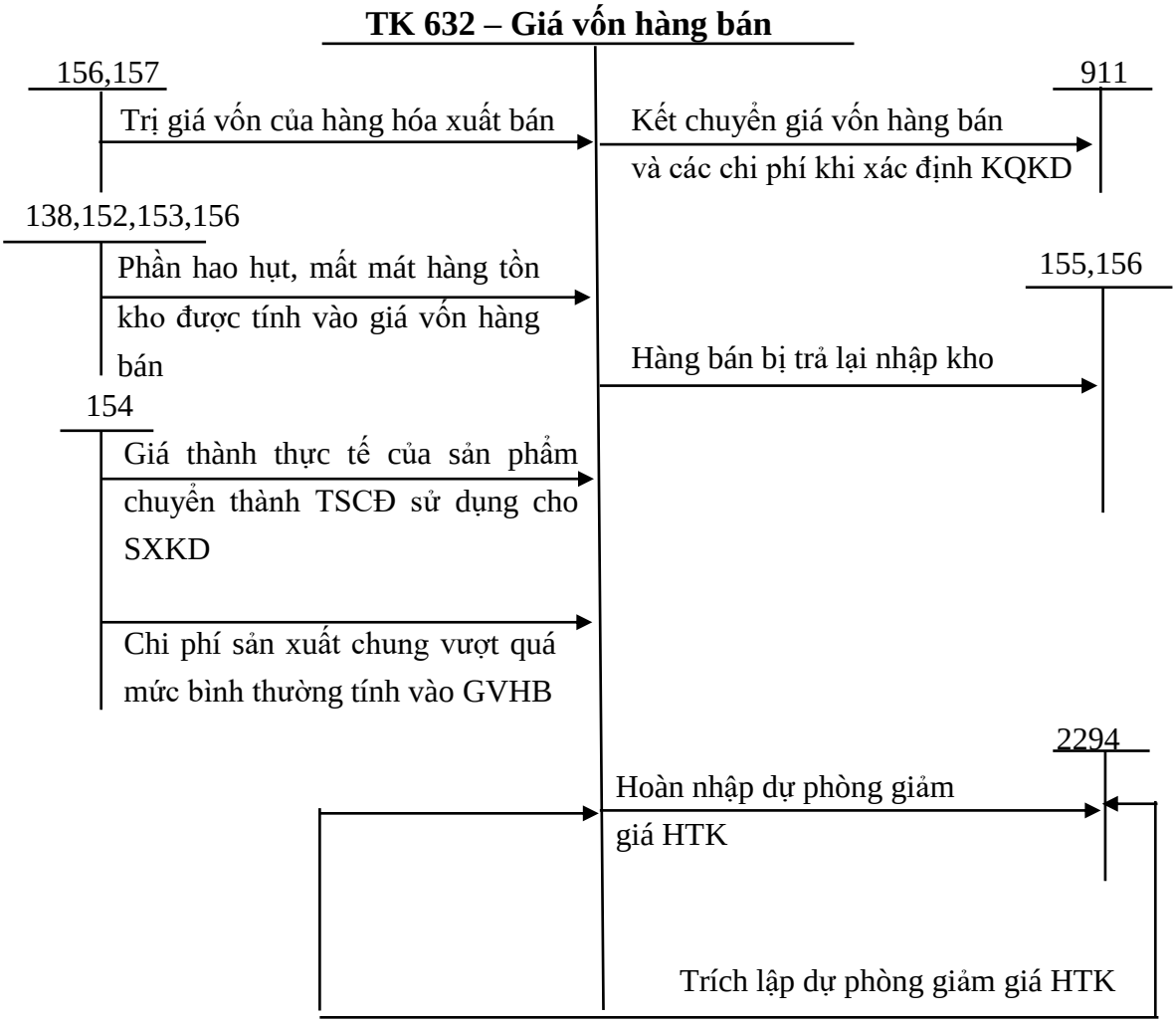

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán Giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.7. Kế toán chi phí tài chính

1.7.1. Khái niệm

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 63 Thông tư 133/2016/TT-BTC, tài *khoản 635 (chi phí tài chính) trong doanh nghiệp nhỏ và vừa phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm:*

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác, các khoản chi phí tài chính khác.

1.7.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ
- Bảng sao kê giao dịch ngân hàng
- Hóa đơn GTGT

b) Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng TK 635 – "Chi phí tài chính"
- Kết cấu tài khoản 635:

Nợ	**TK 635**	Có
- Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ; - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

1.7.3. Trình tự hạch toán

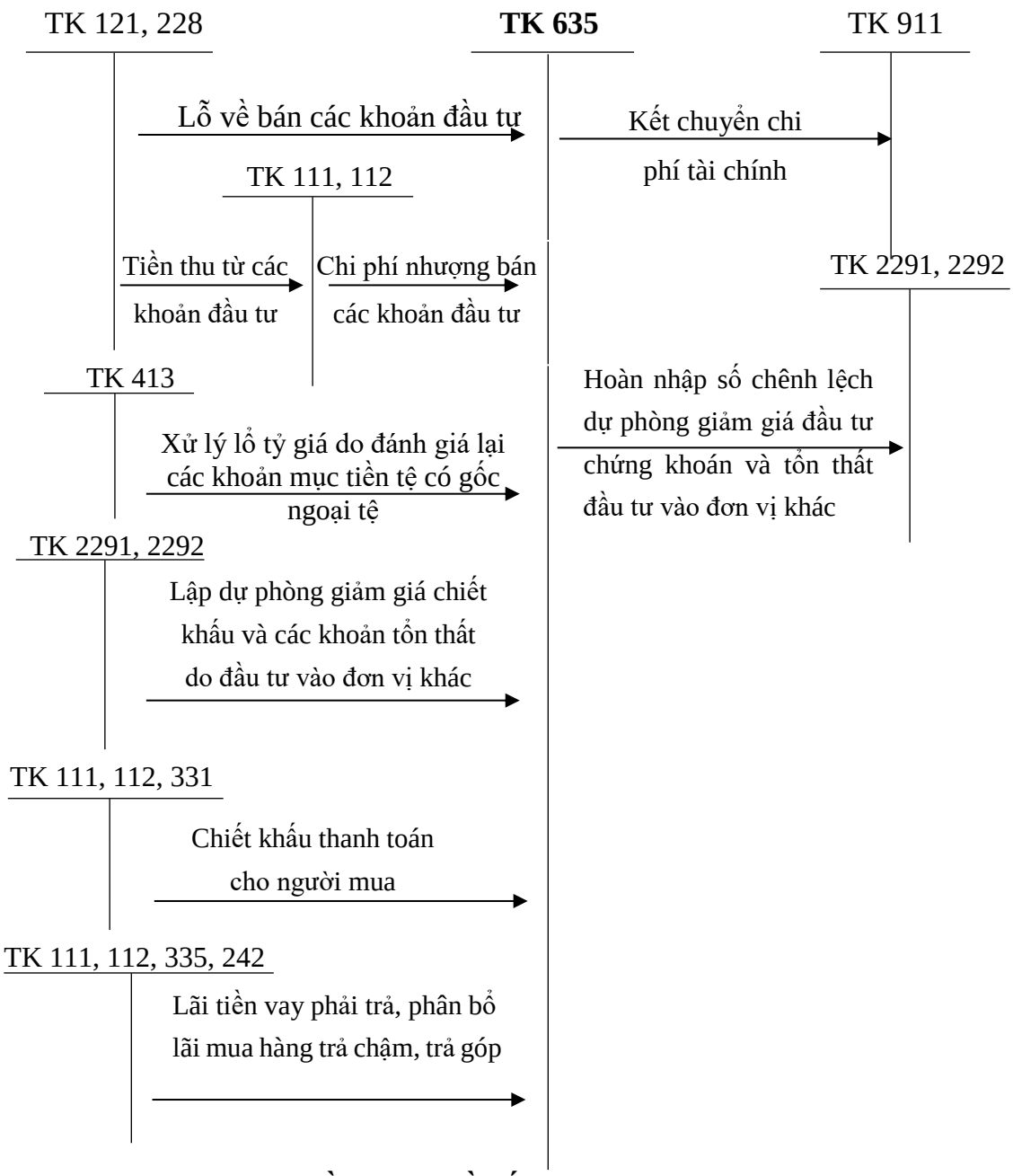

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí tài chính

1.8. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.8.1. Khái niệm

Theo quy định tại Điều 64 của Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

– Chi phí bán hàng bao gồm:

+ Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ (chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng,

… Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp); chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,…

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm:

+ Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp;

+ Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi;

+ Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...)

+ Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.8.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, …

b) Tài khoản sử dụng

Để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán sử dụng tài khoản 642 – ‘‘Chi phí quản lý kinh doanh’’.

- Tài khoản 642 có hai tài khoản cấp 2:
  + Tài khoản 6421 – ‘‘Chi phí bán hàng’’
  + Tài khoản 6422 – ‘‘Chi phí quản lý doanh nghiệp’’

Nợ	**TK 642**	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Các khoản được ghi giảm chi phí kinh doanh - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí vào tài khoản 911.

1.8.3. Trình tự hạch toán

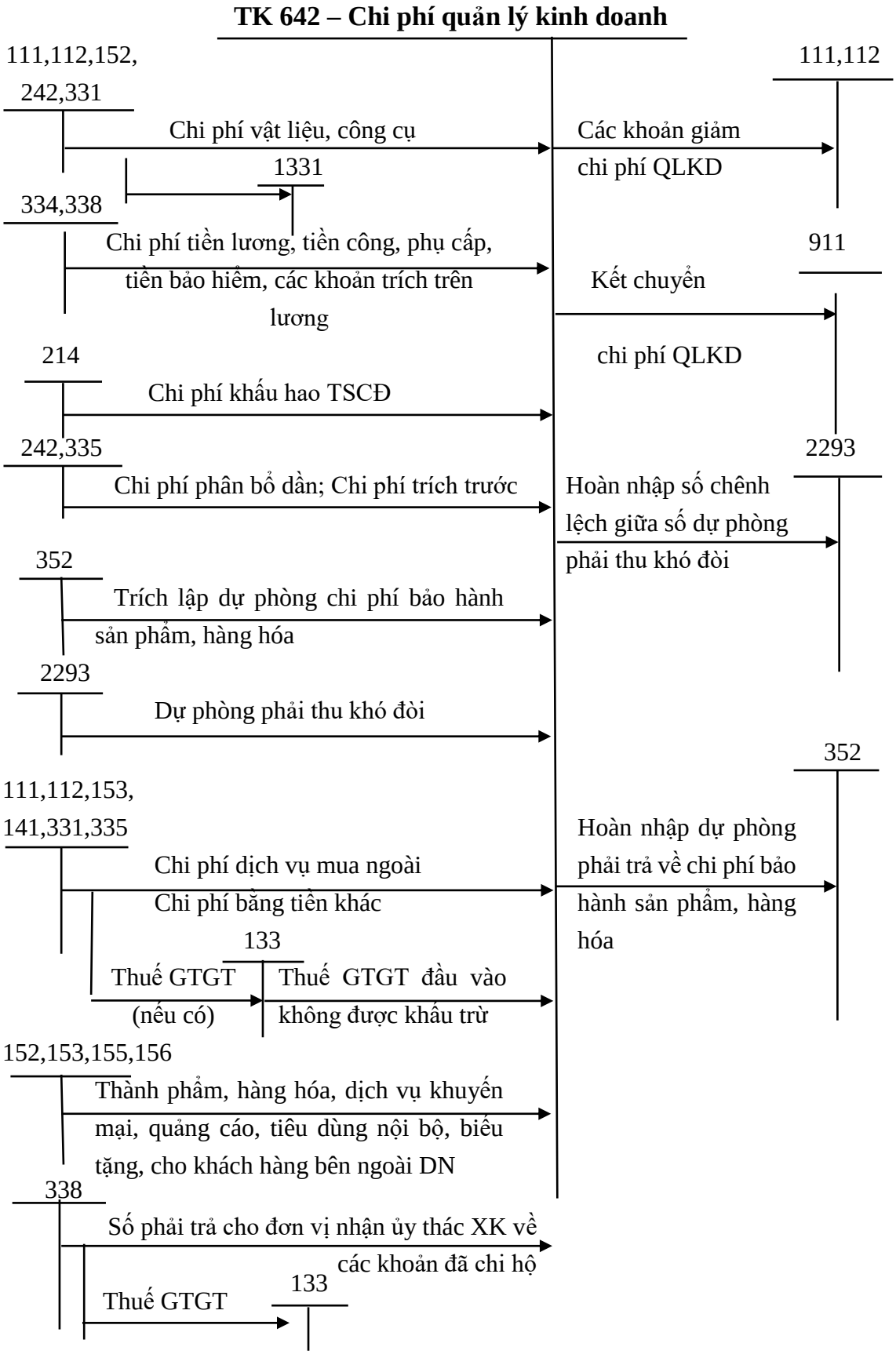

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán Chi phí quản lý kinh doanh

1.9. Kế toán chi phí khác

1.9.1. Khái niệm

Theo Điều 66 Thông tư 133/2016/BT-BTC: Chi phí khác là những chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.9.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

b) Tài khoản sử dụng

- Để hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng TK 811 – "Chi phí khác".
- Kết cấu tài khoản 811:

Nợ	**TK 811**	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.		- Cuối kỳ, chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911.

1.9.3. Trình tự hạch toán

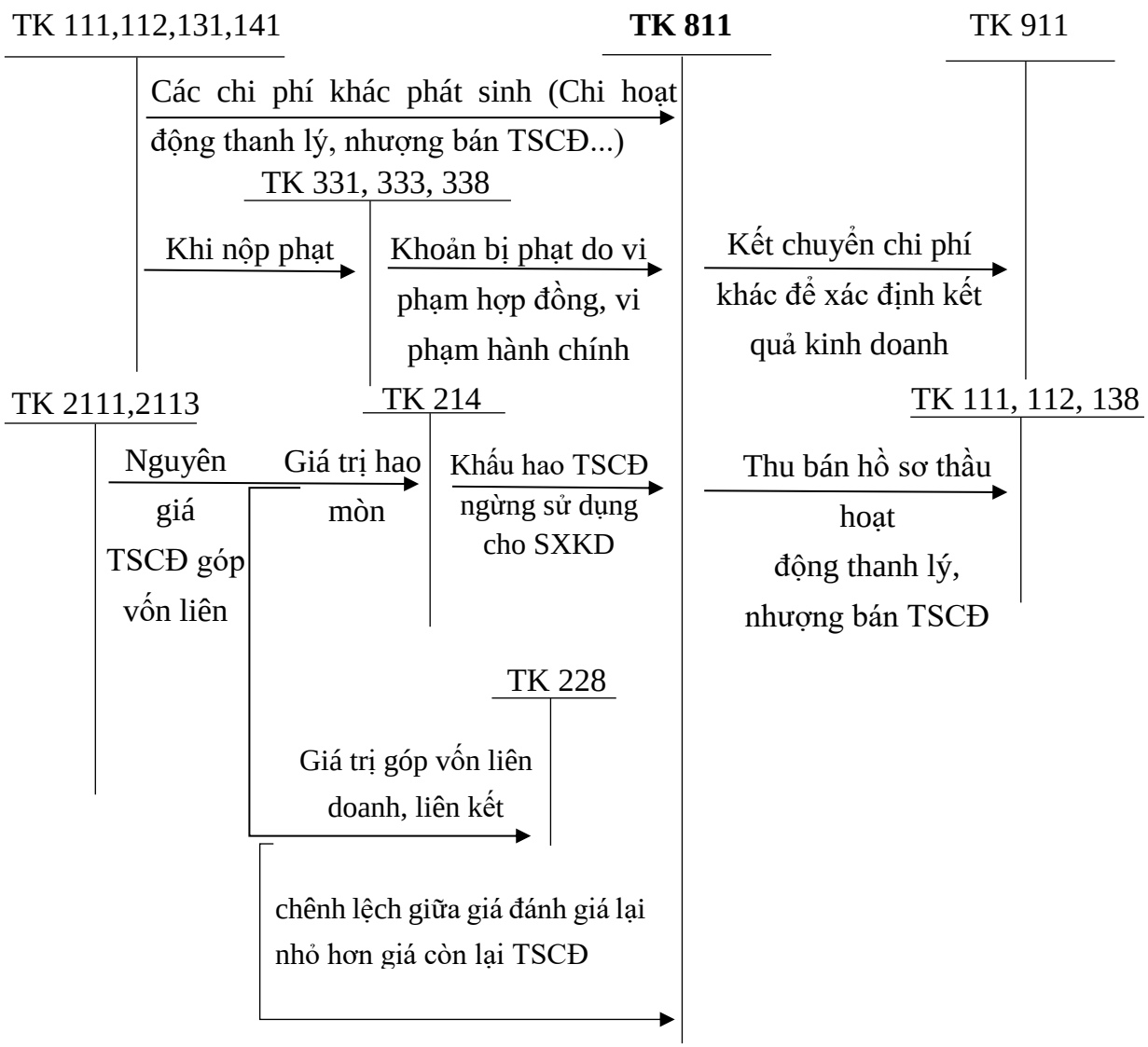

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán chi phí khác

1.10. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.10.1. Khái niệm

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, đánh vào doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có mức thu nhập phải chịu thuế bao gồm từ hoạt động kinh doanh, hoạt động sản xuất, hoạt động vận chuyển hàng hóa, dịch vụ và những thu nhập khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Công thức tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	=	(Thu nhập tính thuế - Phần trích lập khoa học công nghệ (nếu có))	x	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	(Khoản thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)

Thu nhập chịu thuế	=	(Doanh thu – Chi phí được trừ)	+	Các khoản thu nhập khác

1.10.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng, …
- Giấy báo nợ, sổ theo dõi chi tiết thuế TNDN.
- Tờ khai quyết toán thuế TNDN, Bảng kê, …

b) Tài khoản sử dụng

- Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng TK 821 – "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp"
- Kết cấu tài khoản 821:

Nợ	**TK 821**	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp, của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911.

1.10.3. Trình tự hạch toán

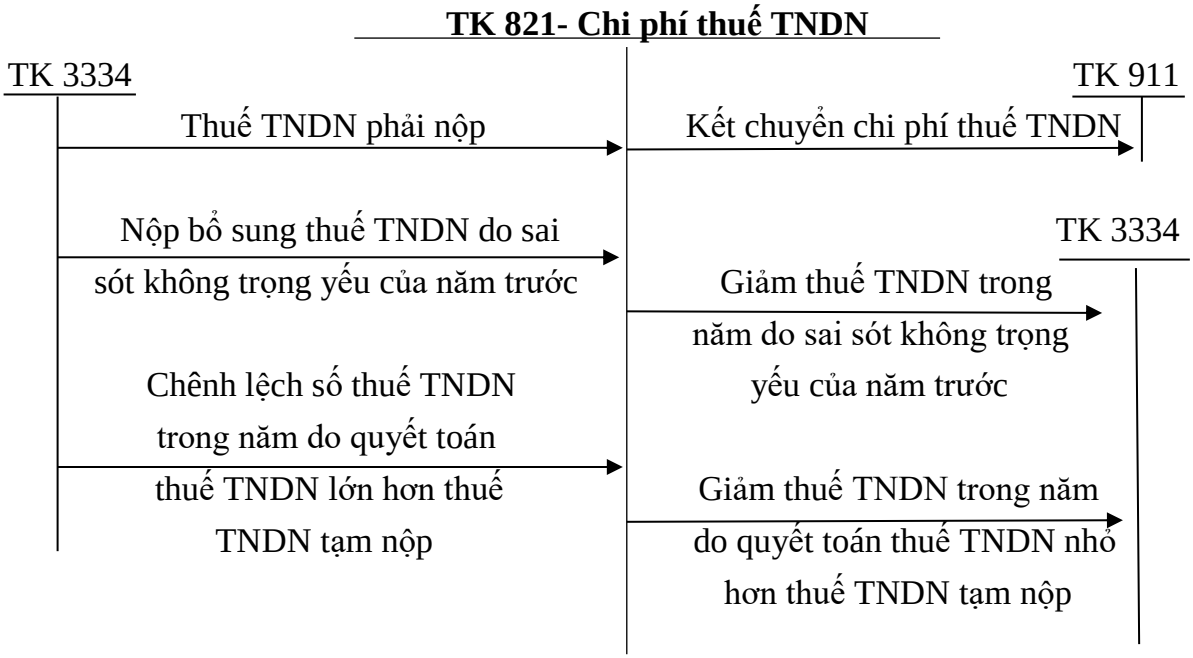

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.11. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.11.1. Khái niệm

Theo Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC, kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công thức xác định kết quả kinh doanh:

Lợi nhuận gộp về BH và CCDV = Doanh thu thuần BH và CCDV - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về BH&CCDV + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.11.2. Tài khoản sử dụng

- Để xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán sử dụng TK 911 – "Xác định kết quả hoạt động kinh doanh"
- Kết cấu TK 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

Nợ	**TK 911**	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.

1.11.3. Trình tự hạch toán

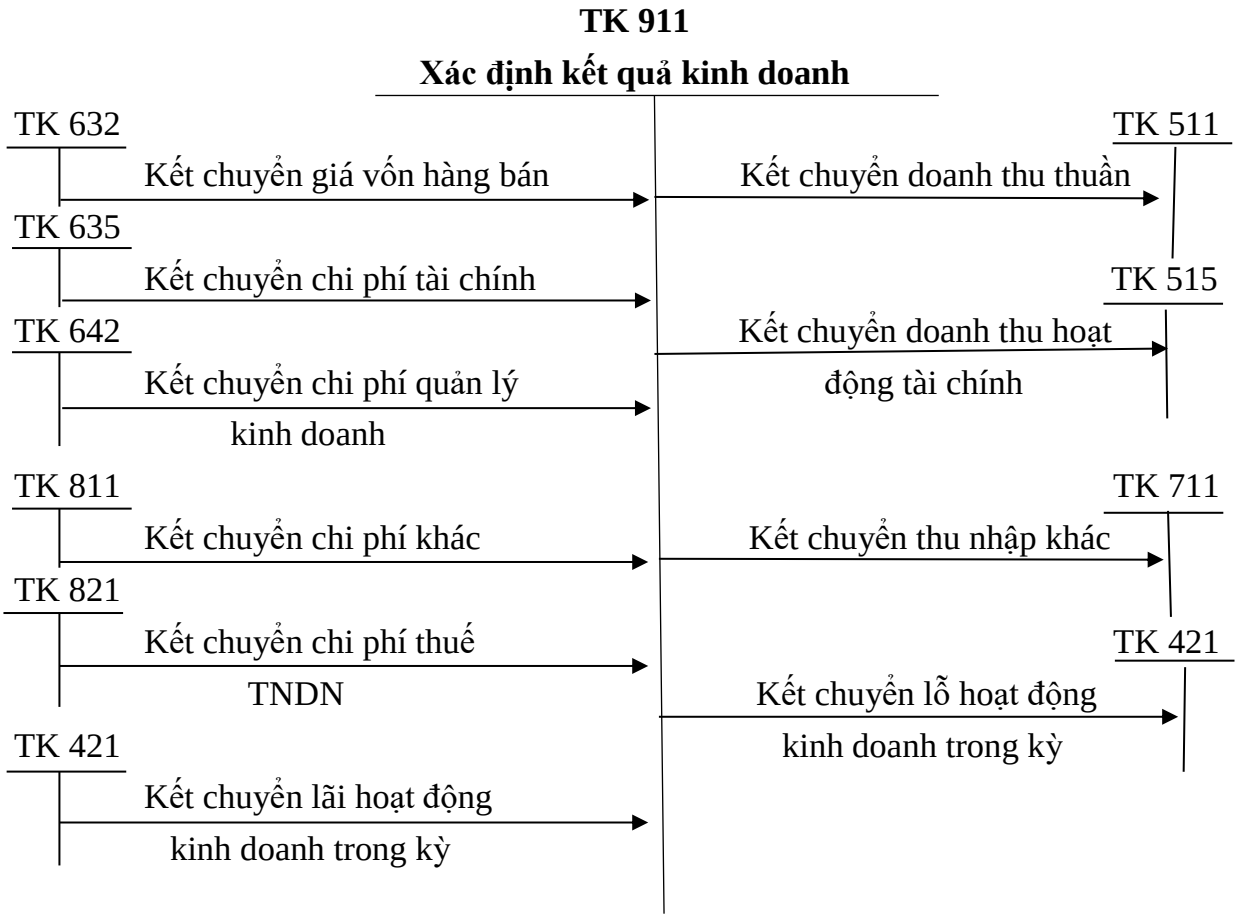

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI

2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi

2.1.1. Thông tin khái quát về công ty

- Tên công ty: Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi
- Mã số thuế: 0402176010
- Trụ sở chính: 196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Người đại diện: Bùi Thị Hậu Hữu
- Nơi đăng ký quản lý: Thuế Cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại liên hệ: 0358291293
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài Nhà nước
- Tình trạng doanh nghiệp: Đang hoạt động
- Ngày hoạt động: 04/01/2023

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ thuật Hữu Duy Khôi là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam, thực hiện đăng ký kinh doanh và quản lý hoạt động theo các quy định pháp luật hiện hành. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ năm 2023 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Tính đến nay, sau 3 năm hoạt động, công ty từng bước ổn định tổ chức, mở rộng quy mô và khẳng định vị thế trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ kỹ thuật và xây dựng. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Ngoài ra, công ty còn hoạt động trong các lĩnh vực như: sửa chữa máy móc, thiết bị và thiết bị điện; lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước; thi công xây dựng công trình dân dụng, công trình điện và công trình kỹ thuật; bán buôn thiết bị điện tử, viễn thông; bán buôn và bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; cho thuê máy móc, thiết bị và các hoạt động thương mại khác theo đăng ký kinh doanh.

Mặc dù thời gian hoạt động chưa dài và còn gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kĩ thuật Hữu Duy Khôi tập trung cung cấp các sản phẩm, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật đảm bảo chất

lượng, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên địaS bàn và các khu vực lân cận. Trong quá trình hoạt động, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do biến động của thị trường, công ty vẫn duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát chi phí và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về kế toán, thuế theo quy định của Nhà nước.

2.1.3. Ngành nghề kinh doanh của công ty

Mã	Nghành
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
3314	Sửa chữa thiết bị điện
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
4659	**Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác**
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4933	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

2.1.4. Đặc điểm tổ chức quản lý tại công ty

a) Sơ đồ bộ máy quản lý

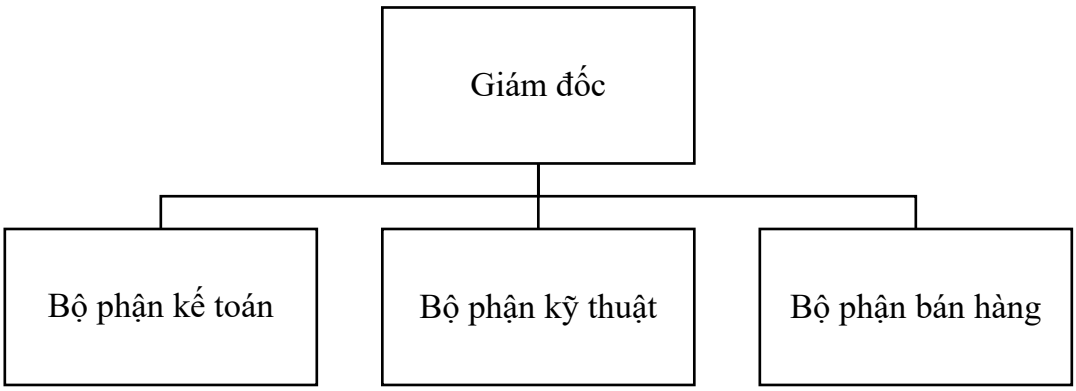

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý công ty

b) Chức năng và nhiệm vụ

**Giám đốc:* là người đứng đầu công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của công ty, là người đại diện, chịu trách nhiệm pháp lý trước cơ quan pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tham gia ký kết các văn bản có liên quan, đưa ra kế hoạch và chiến lược phát triển công ty.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
- Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty
- Tuyển dụng lao động

**Phòng kế toán:*

- Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, ghi nhận đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán hiện hành và các quy định của Nhà nước.
- Theo dõi tình hình tài chính, công nợ, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh; lập và trình bày các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thuế theo quy định của Nhà nước.

**Phòng kỹ thuật:*

- Tư vấn kỹ thuật về máy móc, thiết bị và giải pháp lắp đặt cho khách hàng.
- Tham gia lập hồ sơ chào giá, hồ sơ dự thầu các công trình lắp đặt, sửa chữa hệ thống điện, máy móc thiết bị.
- Triển khai kế hoạch, lắp đặt và sửa chữa theo đúng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ.
- Kiểm tra, giám sát chất lượng kỹ thuật trong quá trình thực hiện.
- Xử lý các vấn đề kỹ thuật phát sinh; xác nhận khối lượng công việc hoàn thành.
- Phối hợp nghiệm thu, bàn giao công trình hoặc thiết bị cho khách hàng.

**Bộ phận bán hàng:*

- Thực hiện tư vấn sản phẩm, giới thiệu hàng hóa và hỗ trợ khách hàng lựa chọn sản phẩm phù hợp.
- Theo dõi quá trình bán hàng, phối hợp giao hàng và hỗ trợ khách hàng trong quá trình sử dụng sản phẩm.
- Chăm sóc khách hàng, tiếp nhận và xử lý các phản hồi sau bán hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

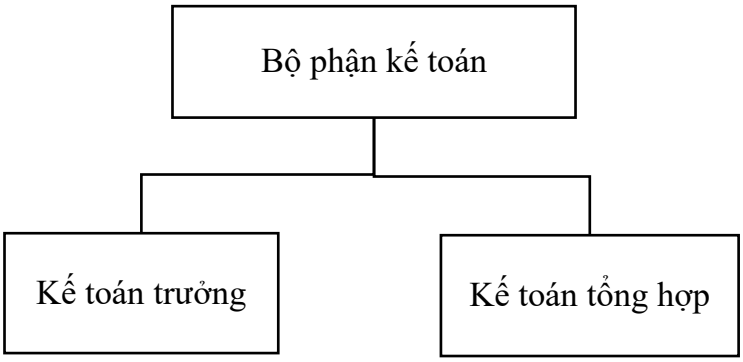

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty

**Kế toán trưởng*: Người giữ vai trò chủ chốt trong bộ phận kế toán của Công ty chịu trách nhiệm tổng hợp, phản ánh, ghi chép và thống kê một cách tổng quát các số liệu, dữ liệu, thông tin trên các tài khoản, sổ sách kế toán, báo cáo lãi lỗ và báo cáo tài chính theo các kỳ kế toán của doanh nghiệp.

- Tạo phiếu thu, phiếu chi, xuất kho, nhập kho…khi phát sinh các nghiệp vụ.
- Theo dõi công nợ của khách hàng, nhà cung cấp
- Tính lương và các khoản phụ cấp
- Lập báo cáo nội bộ nếu có yêu cầu: báo cáo tài chính, doanh thu, chi phí
- Kiểm tra, đối chiếu lại hóa đơn, chứng từ kế toán đã ghi nhận trên sổ sách nhằm đảm bảo số liệu chính xác và đầy đủ
- Lập và nộp tờ khai thuế GTGT theo quý theo đúng quy định của pháp luật thuế
- Tổng hợp số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính định kỳ của doanh nghiệp

**Kế toán tổng hợp*: là người chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hằng ngày của công ty.

- Thực hiện quản lý chứng từ kế toán, theo dõi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và lập các báo cáo liên quan theo quy định. Đồng thời phối hợp cùng kế toán trưởng trong việc đối chiếu số liệu, kiểm tra chứng từ và theo dõi tình hình tài chính của công ty.

2.1.6. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán được áp dụng tại công ty

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kĩ thuật Hữu Duy Khôi là công ty vừa và nhỏ áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT- BTC ban hành ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài Chính.

- Hình thức kế toán: Trên máy vi tính, thực hiện theo phần mềm kế toán Easybooks
- Phương pháp tính giá xuất kho: Bình quân cuối kỳ
- Phương pháp hạch toán: Phương pháp kê khai thường xuyên

- Nguyên tắc ghi nhận: Giá gốc
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam Đồng (VNĐ)
- Khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng. Thời gian phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.
- Năm tài chính: Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

2.1.7. Hình thức ghi sổ và phần mềm kế toán tại công ty

a) Hình thức ghi sổ

- Hình thức ghi sổ tại Công ty là hình thức ghi theo Sổ *Nhật ký chung* được thể hiện trên phần mềm kế toán, là phần mềm "Easybooks" đang được sử dụng tại Công ty.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung:

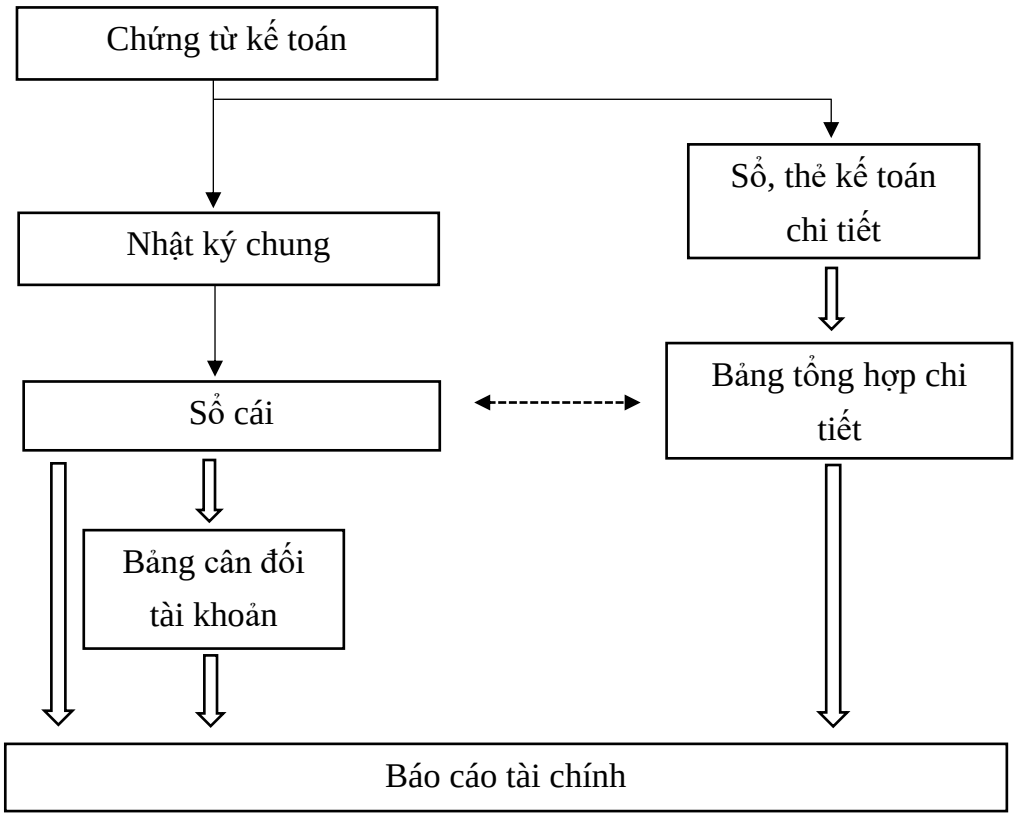

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ ghi sổ kế toán

Ghi chú: Ghi hằng ngày ⟶

Ghi cuối kỳ ⇨

Đối chiếu, kiểm tra ⟷

Trình tự ghi sổ kế toán:

- Ghi hằng ngày: căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.
- Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Ghi cuối kỳ: Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối tài khoản.
- Đối chiếu, kiểm tra: Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các số, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.
- Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

➢ Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán viên kiểm tra chứng từ, phân loại chứng từ theo nghiệp vụ, đối tượng rồi nhập chứng từ vào máy. Bên cạnh đó kế toán luôn phải kiểm tra tính chính xác, khớp đúng số liệu trên máy với chứng từ gốc. Phần mềm thực hiện các bút toán phân bổ, kết chuyển đồng thời lên báo cáo sổ sách: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh, …

b) Phần mềm kế toán của công ty

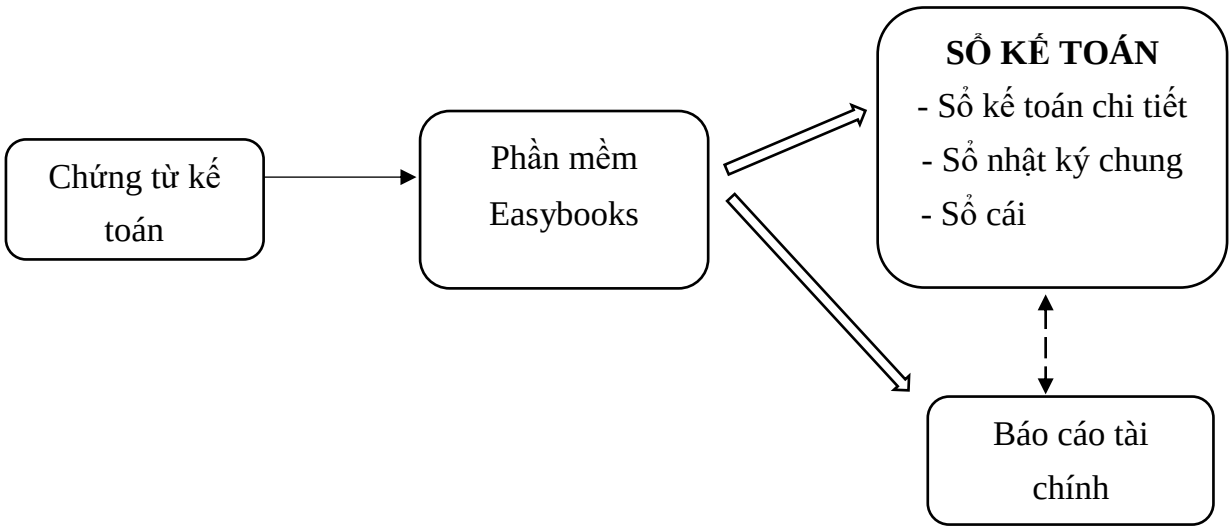

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ ghi sổ theo phần mềm Easybooks

Ghi chú:

Nhập số liệu hằng ngày ⟶

In số báo cáo cuối tháng, quý, cuối năm ⟹

Đối chiếu kiểm tra ←- - - - - - - →

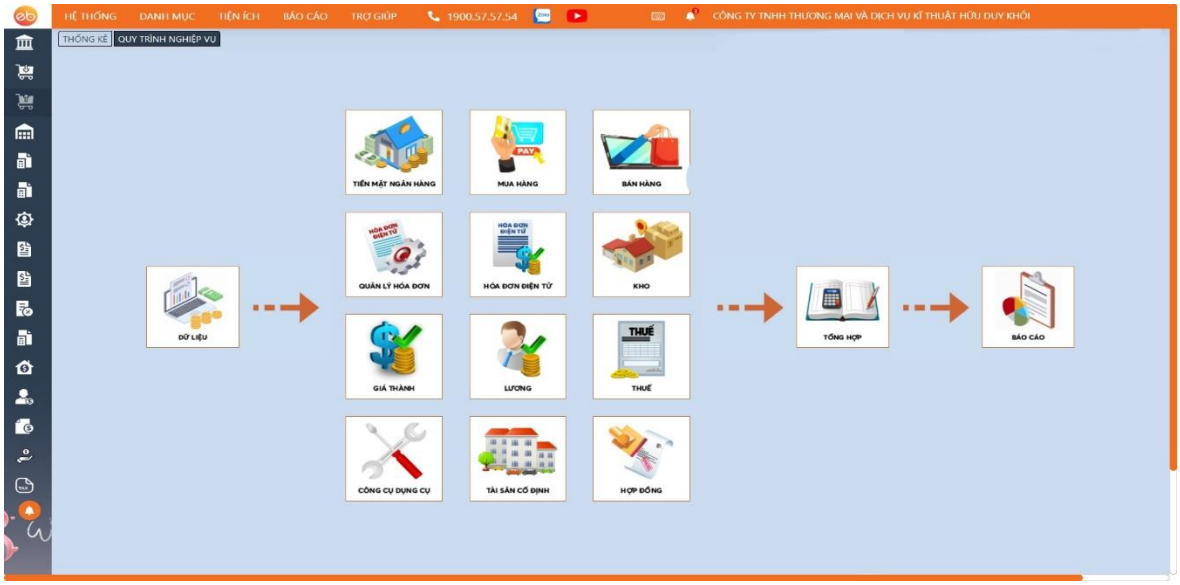

Ảnh 2.1 Giao điện phần mềm kế toán Easybooks

Trình tự ghi sổ kế toán

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán phát sinh đã được kiểm tra về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ, kế toán xác định tài khoản ghi Nợ và tài khoản ghi Có, sau đó nhập liệu trực tiếp vào phần mềm kế toán theo các thông tin đã được thiết lập sẵn.
- Sau khi dữ liệu được nhập, phần mềm kế toán tự động cập nhật và ghi nhận số liệu vào Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái các tài khoản và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan, đảm bảo số liệu được phản ánh đầy đủ theo từng tài khoản kế toán và từng đối tượng quản lý (tiền, công nợ, hàng hóa, tài sản…).
- Định kỳ cuối tháng, cuối quý, kế toán thực hiện khóa sổ kế toán trên phần mềm, đồng thời lập các báo cáo kế toán và báo cáo tài chính theo chức năng của phần mềm. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết được thực hiện trực tiếp trên phần mềm nhằm đảm bảo tính chính xác và trung thực của số liệu kế toán trong kỳ.
- Cuối niên độ kế toán, toàn bộ sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, sắp xếp và đóng thành quyển. Các sổ sách kế toán sau khi in được thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định như ký xác nhận của người lập, kế toán và người đại diện theo pháp luật, đóng dấu doanh nghiệp và lưu trữ theo đúng quy định của pháp luật về kế toán hiện hành.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi

2.2.1. Đặc điểm của kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

a) Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty

Doanh thu bán hàng là nguồn doanh thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của công ty. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực thương mại, công ty chuyên kinh doanh theo hình thức bán buôn và bán lẻ các loại máy móc, thiết bị và phụ tùng máy. Các mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm: máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và xây dựng; thiết bị điện; phụ tùng, linh kiện thay thế; cùng các vật tư kỹ thuật liên quan. Ngoài ra, công ty còn thực hiện các hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị và lắp đặt hệ thống điện theo nhu cầu của khách hàng.

b) Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán

- Phương thức bán hàng: Tuỳ vào nhóm khách hàng phục vụ, khách hàng trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh, đối với khách hàng trong tỉnh công ty bán hàng trực tiếp, đối khách hàng ngoài tỉnh được trao đổi công việc qua email, điện thoại…
- Phương thức thanh toán:

+ Thanh toán trực tiếp khi mua hàng: Áp dụng đối với khách hàng mua lẻ, mua với số lượng nhỏ. Khách hàng thanh toán ngay tại thời điểm nhận hàng, chủ yếu bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ Thanh toán sau khi mua hàng: Áp dụng đối với khách hàng mua với số lượng lớn, thường xuyên thì thường thanh toán qua ngân hàng. Trong trường hợp có kí hợp đồng thoả thuận yêu cầu ngày thanh toán thì kế toán công nợ có nhiệm vụ theo dõi từng khách hàng và nhắc thanh toán khi đến hạn.

c) Quy trình luân chuyển chứng từ bán hàng tại công ty

- Khi khách hàng phát sinh nhu cầu đặt hàng, nhân viên bán hàng tiến hành kiểm tra tình trạng hàng hóa bằng cách liên hệ với thủ kho để xác nhận số lượng tồn kho. Trường hợp kho đáp ứng đủ số lượng theo yêu cầu, thủ kho phản hồi lại để nhân viên bán hàng xác nhận và thông báo chấp nhận đơn đặt hàng cho khách hàng.
- Sau khi đơn hàng được xác nhận, nhân viên bán hàng thực hiện giao hàng cho khách hàng. Khi việc giao nhận hoàn tất, kế toán tiến hành lập và phát hành Hóa đơn GTGT trên phần mềm M-invoice theo đúng quy định.

Quá trình lập và ký hóa đơn điện tử trên M-Invoice:

Bước 1: Kế toán đăng nhập vào hệ thống hóa đơn điện tử M-Invoice bằng mã số thuế, tên đăng nhập và mật khẩu của công ty.

Bước 2: Tại giao diện chính, kế toán chọn mục Hóa đơn, lựa chọn loại hóa đơn cần lập (Hóa đơn GTGT), sau đó chọn Thêm mới (F4) để tạo hóa đơn.
Bước 3: Kế toán nhập đầy đủ các thông tin theo chứng từ bán hàng gồm:
Sau khi kiểm tra tính chính xác, kế toán lưu nháp hóa đơn.
Bước 4: Kế toán sẽ lưu nháp lại hóa đơn điện tử và xuất gửi cho khách kiểm tra sau đó cắm chữ ký số vào để ký hóa đơn điện tử. Sau khi ký xong thì kế toán gửi hóa đơn điện tử qua email cho khách hàng.

Kế toán tiến hành lập hóa đơn điện tử trên phần mềm M-invoice gửi cho khách hàng và sau đó nhập dữ liệu vào phần mềm Easybooks.

- Khi khách hàng thanh toán, doanh nghiệp lập phiếu thu để ghi nhận khoản thanh toán. Nếu khách hàng chưa thanh toán, doanh nghiệp sẽ theo dõi công nợ để khách hàng thanh toán đúng hạn.
- Trong trường hợp khách hàng trả lại hàng (do không đúng yêu cầu, lỗi, hoặc lý do khác), hàng trả lại được xử lý qua kho và cập nhật trong hệ thống. Có thể lập lại hóa đơn điều chỉnh hoặc ghi nhận công nợ tương ứng.

2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

a) Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty

Doanh thu bán hàng là nguồn doanh thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của công ty. Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực thương mại – bán buôn, bán lẻ, các mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty là vật tư và thiết bị điện, bao gồm đèn chiếu sáng, đèn trần, quạt điện, thiết bị điện dân dụng, phụ tùng và linh kiện điện, máy móc cùng một số mặt hàng kim loại màu…

b) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh doanh
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu xuất kho

c) Sổ sách kế toán

- Sổ cái tài khoản 511
- Sổ chi tiết tài khoản 5111
- Sổ nhật ký chung

d) Tài khoản sử dụng

TK 511– "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

- TK chi tiết 5111: Doanh thu bán hàng hóa

Minh họa nghiệp vụ kinh tế

Ngày 26/06/2025, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kĩ thuật Hữu Duy Khôi xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Biển Kim Cương theo Hóa đơn GTGT, số 119, thanh toán bằng TM/CK.

Hướng dẫn lập và xuất hóa đơn GTGT điện tử trên trang M-invoice (phiên bản web):

Bước 1: Kế toán vào trang https://www.minvoice.com.vn login đăng nhập vào tài khoản công ty.

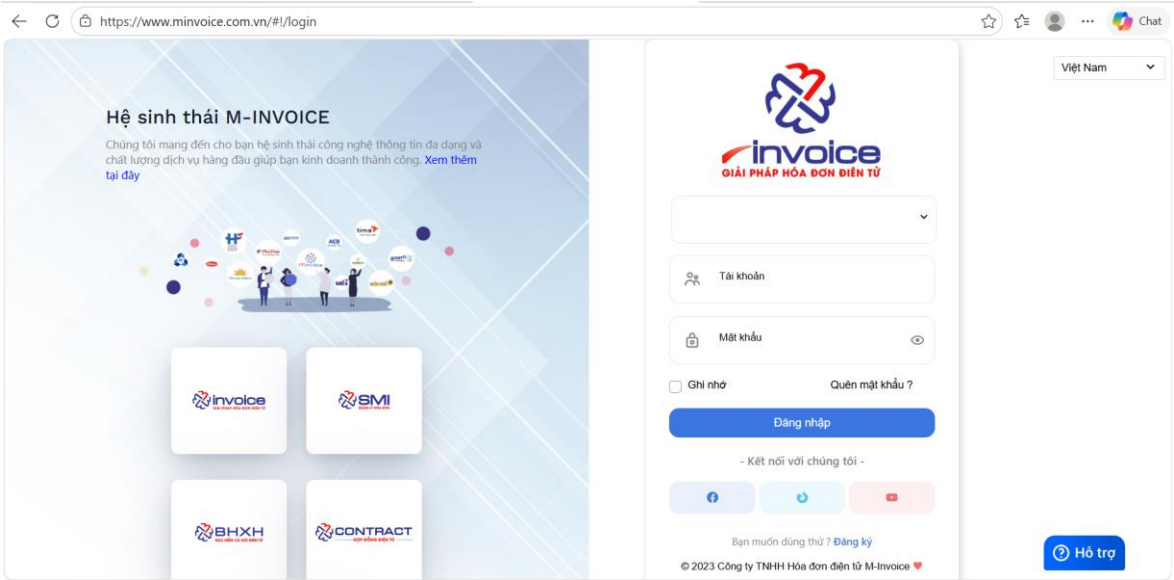

Bước 2: Tại giao diện chính, kế toán chọn mục Hóa đơn, lựa chọn loại hóa đơn cần lập (Hóa đơn GTGT), sau đó chọn Thêm mới (F4) để tạo hóa đơn.

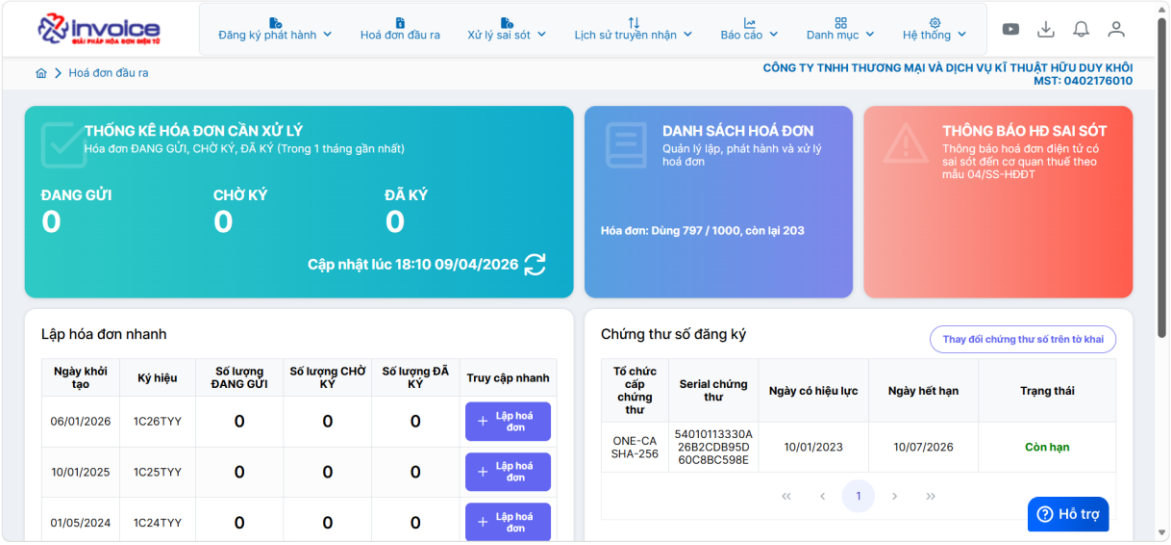

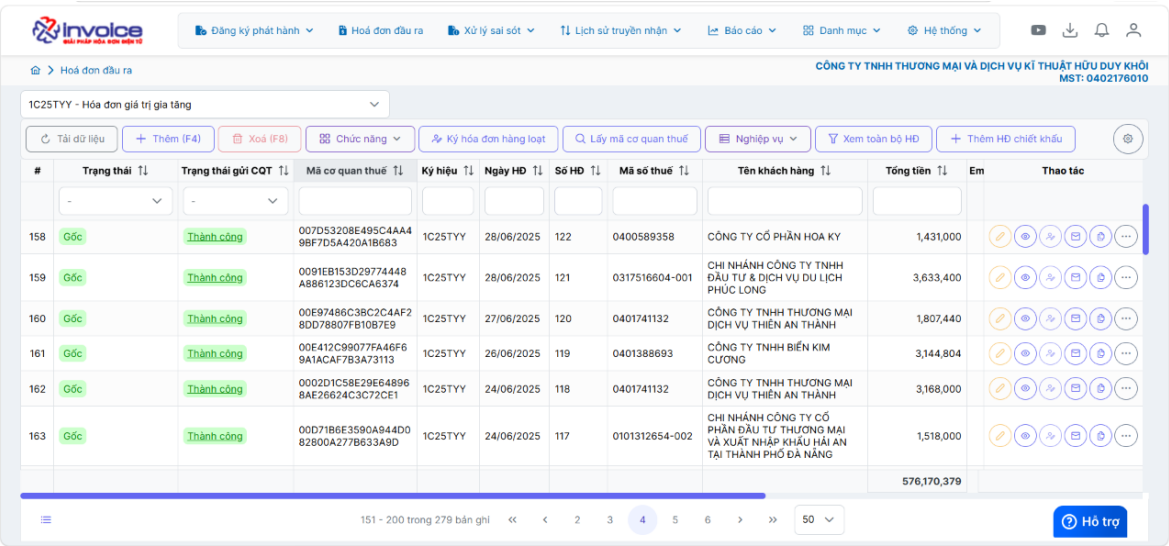

Bước 3: Kế toán nhập đầy đủ các thông tin theo chứng từ bán hàng gồm:

- Thông tin người mua (tên đơn vị, mã số thuế, địa chỉ)
- Tên hàng hóa, dịch vụ; đơn vị tính; số lượng; đơn giá
- Thuế suất thuế GTGT
- Hình thức thanh toán

Sau khi kiểm tra tính chính xác, kế toán lưu nháp hóa đơn.

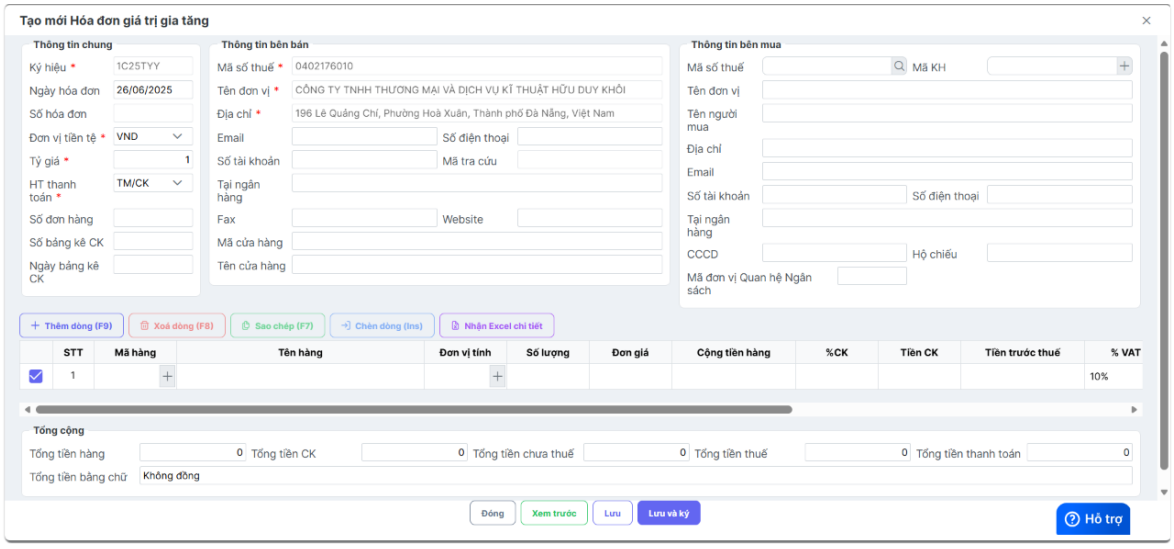

Bước 4: Kế toán sẽ lưu nháp lại hóa đơn điện tử và xuất gửi cho khách kiểm tra sau đó cắm chữ ký số vào để ký hóa đơn điện tử. Sau khi ký xong thì kế toán gửi hóa đơn điện tử qua email cho khách hàng.

Mẫu số:**1**
Ký hiệu:**C25TYY**
Số:**119**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 26 tháng 06 năm 2025

MCCQT: 00E412C99077FA46F69A1ACAF7B3A73113

Tên người bán: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI**
Mã số thuế: **0402176010**
Địa chỉ: 196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại:

Họ tên người mua:
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH BIỂN KIM CƯƠNG
Địa chỉ: 232 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế: 0401388693
Hình thức thanh toán: TM/CK Đơn vị tiền tệ: VND

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa dịch vụ	WF 333AB van phao điện	cái	10	65.000	0	10%	650.000
2	Hàng hóa dịch vụ	WEV1081SW- Ổ cắm đơn có màn che- cắm nhanh	cái	25	25.000	0	8%	625.000
3	Hàng hóa dịch vụ	Bóng đèn LED công suất cao 30W H30W-T	cái	10	60.000	0	8%	600.000
4	Hàng hóa dịch vụ	Chất kết dính đi từ Silicon-Apollo Silicone Sealant A300	chai	20	50.000	0	10%	1.000.000
5	Hàng hóa dịch vụ	Khớp nối trơn D20	cái	6	1.050	0	8%	6.300

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
10%	1.650.000	165.000
8%	1.231.300	98.504

Tổng tiền chưa thuế	**2.881.300**
Tổng tiền thuế	**263.504**
Tổng tiền phí	**0**
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	**3.144.804**
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Ba triệu một trăm bốn mươi tư nghìn tám trăm linh bốn đồng

CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature valid
Được ký bởi: CỤC THUẾ
Ngày ký: 26/06/2025 16:28:03

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

NGƯỜI MUA HÀNG

Ảnh 2.2: Hóa đơn GTGT số 119 ngày 26/06/2025

Căn cứ vào HĐ số 119 vì nghiệp vụ này khách hàng lựa chọn phương thức thanh toán chuyển khoản nên kế toán hạch toán vào phần mềm kế toán Easybooks như sau:

Bước 1: Vào phân hệ bán hàng chọn chứng từ bán hàng và chọn thêm.

Ảnh 2.3: Màn hình phân hệ bán hàng trên Easybooks

Bước 2:

+ Chọn loại Bán hàng trong nước.

+ Lựa chọn phương thức thanh toán: Chưa thu tiền hoặc Thanh toán ngay bằng Tiền mặt hoặc Chuyển khoản.

+ Tích chọn kiêm phiếu xuất kho, lập kèm hóa đơn

+ Sau đó nhập thông tin trên các tab chi tiết của chứng từ như tab Phiếu xuất, tab Hóa đơn, tab Hàng tiền, tab Thuế…

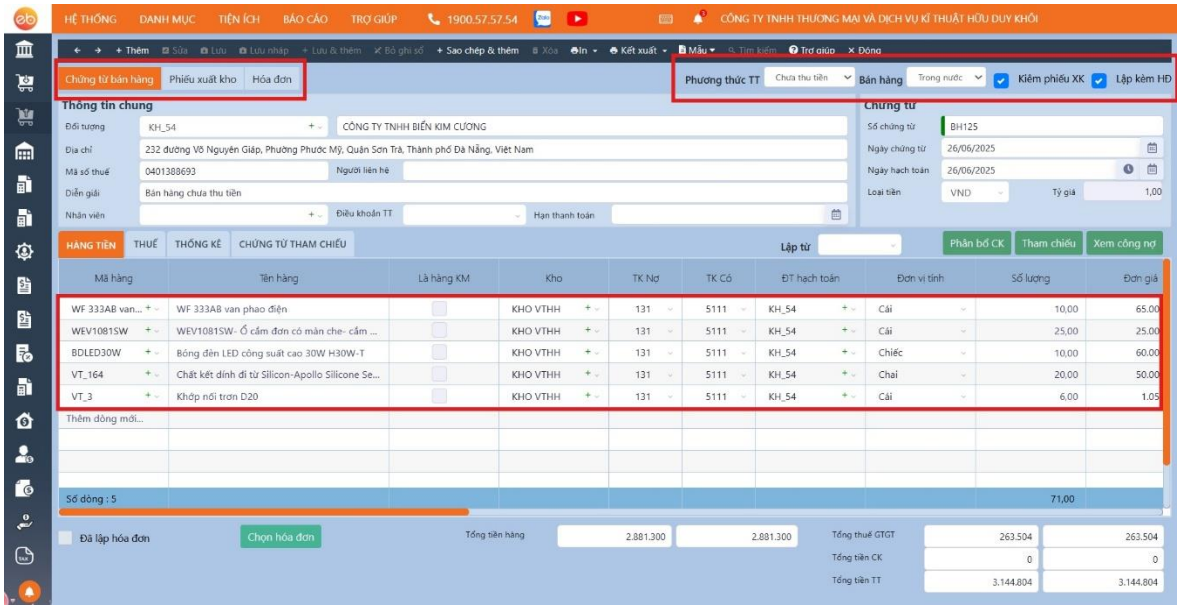

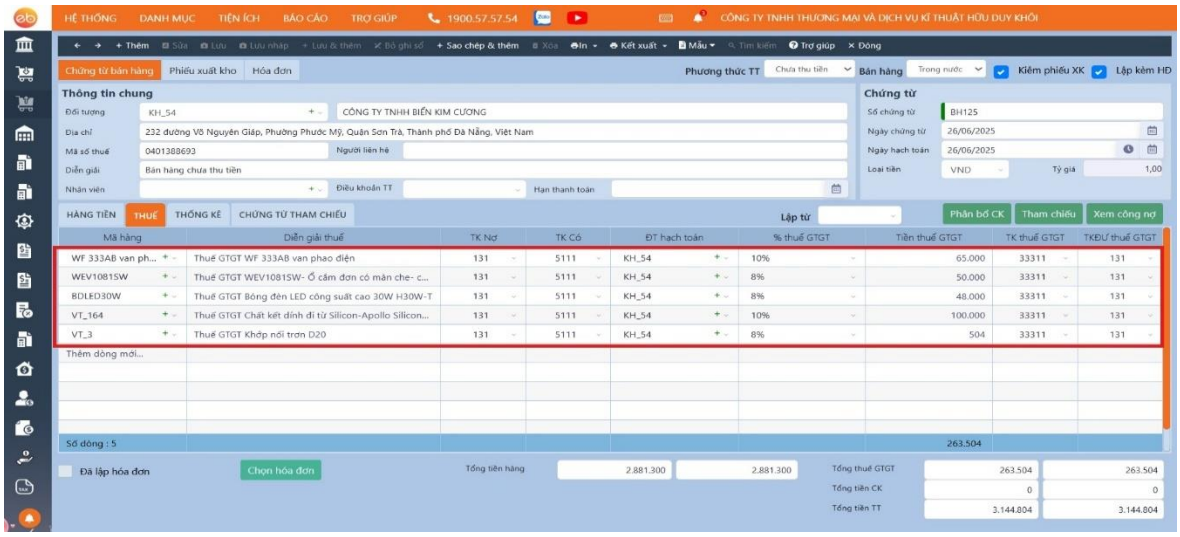

Ảnh 2.4: Giao diện khi nhập số liệu ghi nhận bán hàng theo hóa đơn 119 trên phần mềm Easybooks

Bước 3: Chọn Lưu

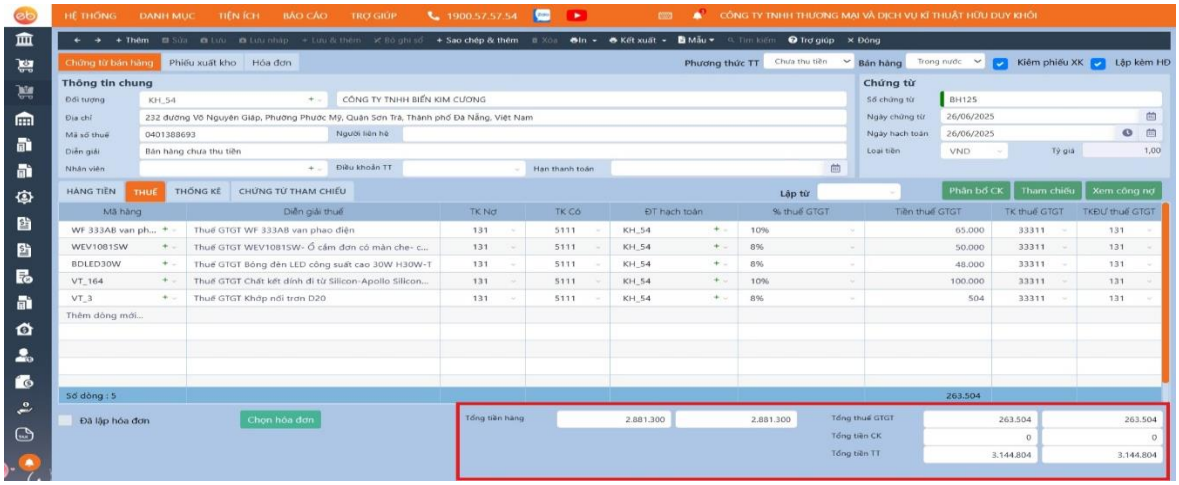

Ảnh 2.5: Giao diện sau khi nhập hóa đơn 119 vào phần mềm

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU
Ngày 26 tháng 6 năm 2025

Quyển số: .....
Số: PT022
Nợ: 1111
Có: 131

Họ và tên người nộp tiền: CÔNG TY TNHH BIỂN KIM CƯƠNG
Địa chỉ: 232 Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do nộp: Thu tiền mặt từ CÔNG TY TNHH BIỂN KIM CƯƠNG
Số tiền: **3.144.804 VND**
(Viết bằng chữ): ***Ba triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm linh bốn đồng.***
Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Ảnh 2.6: Phiếu thu hóa đơn 119 ngày 26/06/2025

Sau khi chọn nút "Lưu" thì phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ cái TK 511, Sổ chi tiết TK 5111, Sổ Nhật Ký Chung.

Để mở sổ chi tiết TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa, kế toán thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "Sổ chi tiết các tài khoản" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa → tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: S19–DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản: 5111 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
10/01/2025	10/01/2025	BH01	Bán hàng chưa thu tiền của CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CỨC PHƯƠNG TẠI ĐÀ NẴNG	5111	131		3,000,000		3,000,000
10/01/2025	10/01/2025	BH02	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHÁCH SẠN TRUNG TÂM ĐÀ NẴNG	5111	131		180,000		3,180,000
14/01/2025	14/01/2025	BH061	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY TNHH BIỂN KIM CƯƠNG	5111	131		8,064,000		11,244,000
...		...	...						
24/06/2025	24/06/2025	BH120	Bán hàng chưa thu tiền	5111	131		1,380,000		57,884,600
24/06/2025	24/06/2025	BH124	Bán hàng chưa thu tiền	5111	131		2,880,000		60,764,600
26/06/2025	26/06/2025	BH125	Bán hàng chưa thu tiền	5111	131		2,881,300		63,645,900
27/06/2025	27/06/2025	BH126	Bán hàng chưa thu tiền	5111	131		1,653,000		65,298,900
...		...	...						
31/12/2025	31/12/2025	BH285	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN BĐS CĂN HỘ KS TOKYO GRAND theo hoá đơn số 279	5111	131		5,570,000		307,161,779
31/12/2025	31/12/2025	BH293	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CP DỊCH VỤ KHÁCH SẠN KIM THÀNH - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG theo hoá đơn số	5111	131		21,730,000		328,891,779
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5111	911	328,891,779			
			Cộng	**5111**		**2,781,393,928**	**2,781,393,928**		
			Số dư cuối kỳ	**5111**					
			Tổng cộng			**2,781,393,928**	**2,781,393,928**		

Bảng biểu 2.1: Sổ chi tiết tài khoản 5111

Để mở sổ cái TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "S03bDNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cũng cấp dịch vụ → tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CONG TY TNHH THƯƠNG MẠI VA DỊCH VỤ KI THUẬT HƯU DUY
196 Lê Quảng Chỉ, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mâu sô: S03b – DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				**2,781,393,928**	**2,784,235,928**
10/01/2025	BH01	10/01/2025	Bán hàng chưa thu tiền của CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÚC PHƯƠNG TẠI ĐÀ NẴNG			131		3,000,000
10/01/2025	BH02	10/01/2025	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHÁCH SẠN TRUNG TÂM ĐÀ NẴNG			131		180,000
14/01/2025	BH061	14/01/2025	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY TNHH BIỂN KIM CƯƠNG			131		8,064,000
..	...		...					
24/06/2025	BH120	24/06/2025	Bán hàng chưa thu tiền			131		1,380,000
24/06/2025	BH124	24/06/2025	Bán hàng chưa thu tiền			131		2,880,000
26/06/2025	BH125	26/06/2025	Bán hàng chưa thu tiền			131		2,881,300
27/06/2025	BH126	27/06/2025	Bán hàng chưa thu tiền			131		1,653,000
..	...		...					
31/12/2025	BH285	31/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN BĐS CĂN HỘ KS TOKYO GRAND theo hoá đơn số 279			131		5,570,000
31/12/2025	BH293	31/12/2025	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CP DỊCH VỤ KHÁCH SẠN KIM THÀNH - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG theo hoá đơn số 274			131		21,730,000
31/12/2025	NVK172	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	328,891,779	
			- Cộng số phát sinh				**2,781,393,928**	**2,784,235,928**
			- Cộng lũy kế				**2,781,393,928**	**2,784,235,928**
			- Số dư cuối kỳ					

Bảng biểu 2.2: Sổ cái tài khoản 511

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong năm 2025 công ty không phát sinh kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a) Chứng từ kế toán

- Giấy báo có
- Sao kê ngân hàng

b) Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết tài khoản 515
- Sổ cái tài khoản 515
- Sổ nhật ký chung

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – "Doanh thu hoạt động tài chính"

Minh họa nghiệp vụ:

Ngày 31/10/2025 căn cứ vào giấy báo có từ ngân hàng, kế toán ghi nhận khoản lãi tiền gửi ngân hàng 6.348đ từ ngân hàng Sacombank.

Sacombank

SỔ PHỤ TÀI KHOẢN

Ngày:	31-10-2025
Số Tài khoản:	0358291293
Tên chủ tài khoản:	CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU KI THUAT HUU DUY KHOI
Ngày giao dịch từ:	01-10-2025
Ngày giao dịch đến:	31-10-2025
Loại tiền:	VND
Số dư đầu kỳ:	64.103.951
Số dư cuối kỳ:	196.521.943
Chi tiết lịch sử giao dịch	

STT	Số giao dịch	Ngày giao dịch	Ngày hiệu lực	Nội dung	Số tiền rút	Số tiền gửi	Số dư hiện tại
1	FT252740QC3L	30-09-2025 22:23:15	01-10-2025	Ct huu duy khoi tt doan thien phuc-	12.998.284		51.105.667
2	FT25274S8VL8	30-09-2025 22:27:40	01-10-2025	Ct huu duy khoi tt dung kien CKN 961689-	13.111.200		37.994.467
3	FT25274CLLS5	30-09-2025 22:35:26	01-10-2025	Ct huu duy khoi tt hoang thien phu-	14.933.624		23.060.843
47	040115030134-20251031	31-10-2025 22:28:53	31-10-2025	CHI LAI TK TIEN GUI 0358291293		6.348	196.521.943

Ảnh 2.7: Sổ phụ của ngân hàng Sacombank tháng 10

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền: Ngân Hàng Sacombank Địa chỉ: ..... Lý do: Thu lãi nhập vốn	Số: BC162 Ngày: 31/10/2025

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: 0358291293
Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín
Số tiền: 6.348 VND
Số tiền bằng chữ: **Sáu nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng.**

Diễn Giải	Số tiền	Ghi Nợ	Ghi có
Thu lãi nhập vốn	6.348	1121	515

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Ảnh 2.8: Giấy báo có lãi tiền gửi ngân hàng

Sau khi nhận được Giấy báo Có từ ngân hàng, trên phần mềm Easybooks, kế toán vào “Ngân hàng” → chọn “Báo có” → chọn “Thêm” → Điền đầy đủ thông tin về số tiền lãi → chọn “Lưu”.

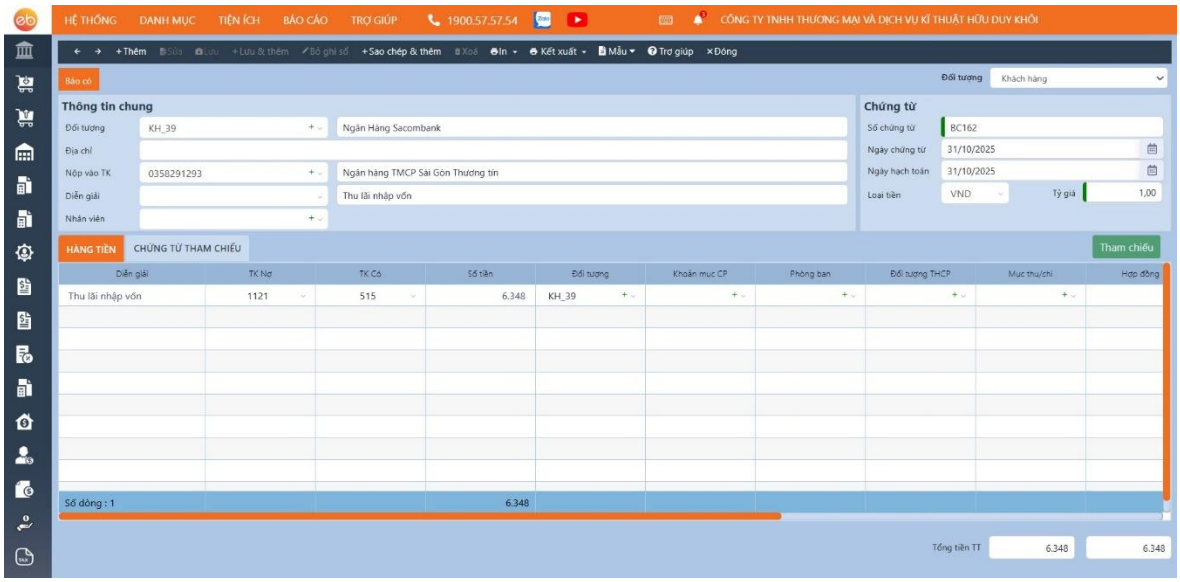

Ảnh 2.9: Màn hình nhập liệu chứng từ ngân hàng

Từ Sổ phụ, kế toán phản ánh vào phần mềm, sau đó phần mềm tự động lên sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 515, sổ cái tài khoản 515.

Để mở sổ chi tiết tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính, kế toán thực hiện thao tác: Vào “Báo cáo” → “Tổng hợp” → “Sổ chi tiết các tài khoản” → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản chi tiết tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính → tích chọn “Cộng gộp các bút toán giống nhau” → Chọn “Xem báo cáo”

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: S19–DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản: 515 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
31/01/2025	31/01/2025	BC011	Thu lãi nhập vốn	515	1121		2,253		2,253
31/01/2025	31/01/2025	NVK154	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2025	515	911	2,253			
...		...	...						
30/09/2025	30/09/2025	BC131	Thu lãi nhập vốn	515	1121		4,015		4,015
30/09/2025	30/09/2025	NVK169	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2025	515	911	4,015			
31/10/2025	31/10/2025	BC162	Thu lãi nhập vốn	515	1121		6,348		6,348
31/10/2025	31/10/2025	NVK170	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/10/2025	515	911	6,348			
30/11/2025	30/11/2025	BC187	Thu lãi nhập vốn	515	1121		10,070		10,070
30/11/2025	30/11/2025	NVK171	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/11/2025	515	911	10,070			
31/12/2025	31/12/2025	BC181	Thu lãi nhập vốn	515	1121		15,284		15,284
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	515	911	15,284			
			Cộng	**515**		**59,045**	**59,045**		
			Số dư cuối kỳ	**515**					
			Tổng cộng			**59,045**	**59,045**		

Bảng biểu 2.3: Sổ chi tiết tài khoản 515

Để mở sổ cái tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính, kế toán thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "S03bDNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính → tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: S03b – DNN
BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 515-Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				**59,045**	**59,045**
31/01/2025	BC011	31/01/2025	Thu lãi nhập vốn			1121		2,253
31/01/2025	NVK154	31/01/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/01/2025			911	2,253	
...		...	...					
30/09/2025	BC131	30/09/2025	Thu lãi nhập vốn			1121		4,015
30/09/2025	NVK169	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/09/2025			911	4,015	
31/10/2025	BC162	31/10/2025	Thu lãi nhập vốn			1121		6,348
31/10/2025	NVK170	31/10/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/10/2025			911	6,348	
30/11/2025	BC187	30/11/2025	Thu lãi nhập vốn			1121		10,070
30/11/2025	NVK171	30/11/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/11/2025			911	10,070	
31/12/2025	BC181	31/12/2025	Thu lãi nhập vốn			1121		15,284
31/12/2025	NVK172	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	15,284	
			- Cộng số phát sinh				**59,045**	**59,045**
			- Cộng lũy kế				**59,045**	**59,045**
			- Số dư cuối kỳ					

Bảng biểu 2.4: Sổ cái tài khoản 515

2.2.4. Kế toán các khoản thu nhập khác

Trong năm 2025, công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác.

2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán

a) Chứng từ kế toán

- Phiếu xuất kho
- Bảng tổng hợp xuất- nhập- tồn
- Hóa đơn GTGT

b) Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết tài khoản 632
- Sổ cái tài khoản 632
- Sổ nhật ký chung

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – "Giá vốn hàng bán"

d) Phương pháp tính giá xuất kho tại công ty

Công ty sử dụng phương pháp bình quân cuối kỳ. Theo phương pháp *này* giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua trong kỳ. Cuối kỳ kế toán mới tính giá vốn của hàng tồn kho trong kỳ.

Công thức:

Đơn giá xuất kho bình quân của 1 sản phẩm	=	Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ	+	Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ
		Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ	+	Số lượng hàng tồn kho nhập trong kỳ

Trong quá trình phát sinh nghiệp vụ, kế toán sẽ thực hiện lập phiếu xuất kho bằng cách sau:

Bước 1: Vào phân hệ Chứng từ bán hàng, sau đó chọn Thêm. Chọn loại Bán hàng trong nước và tích chọn Kiêm phiếu xuất kho.

Bước 2: Nhập đầy đủ thông tin chi tiết của chứng từ trên các tab chức năng, bao gồm: tab Phiếu xuất, tab Hóa đơn, tab Hàng tiền, tab Thuế…

Bước 3: Kiểm tra lại thông tin trên chứng từ và Chọn Lưu.

Căn cứ vào hóa đơn số 119 ngày 26/06/2025, kế toán thực hiện xác định trị giá vốn của hàng hóa đã bán và hạch toán vào giá vốn hàng bán tương ứng.

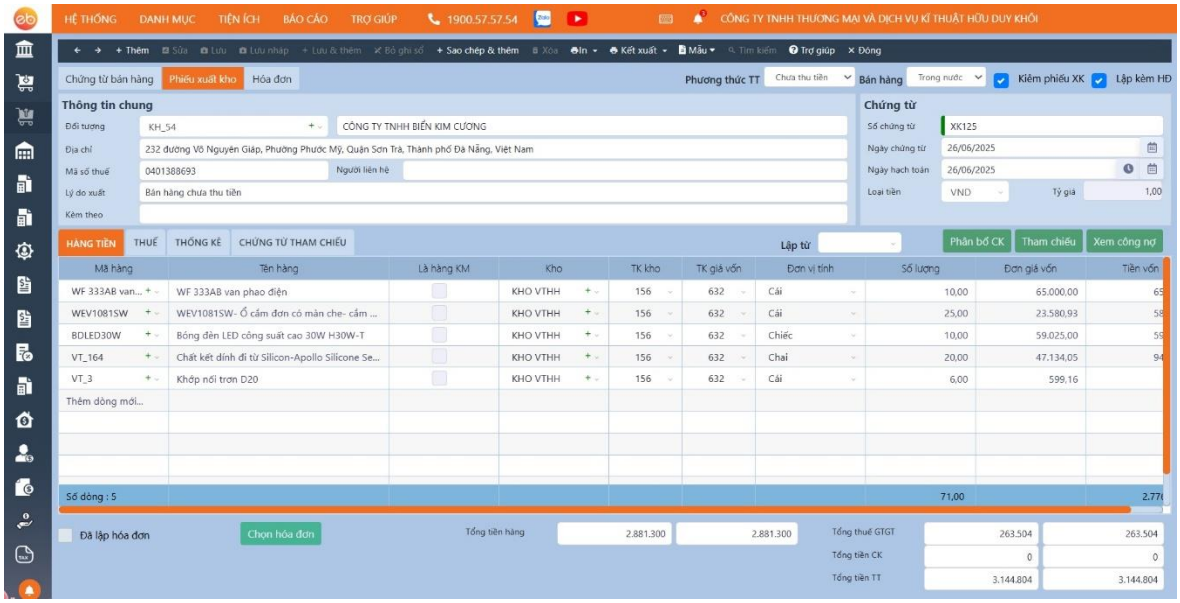

Ảnh 2.10: Giao diện phiếu xuất kho của giá vốn trên phần mềm theo HĐ 119

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác tính giá xuất kho trên phần mềm như sau: Chọn phân hệ "Kho" → Chọn "Tính giá xuất kho" → tích chọn "Tính tất cả các vật tư hàng hóa" → chọn "Kỳ tính giá" chọn tháng 6.

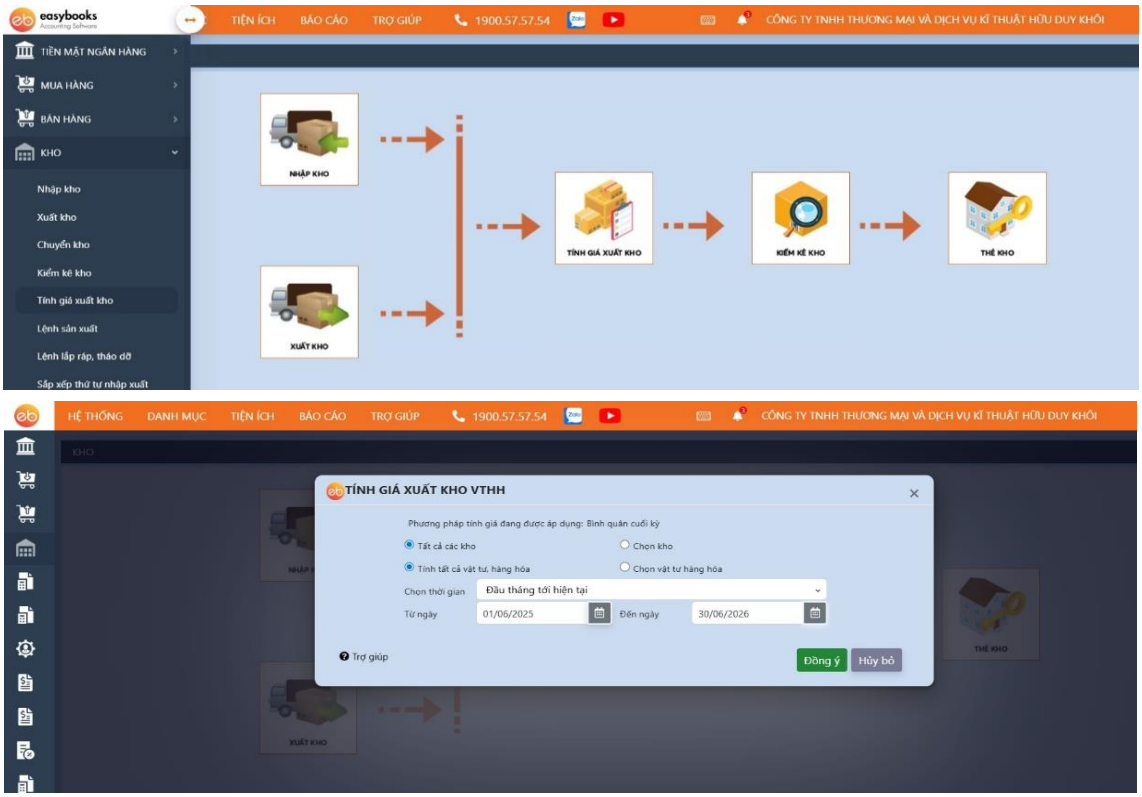

Ảnh 2.11: Màn hình giao diện nghiệp vụ tính giá xuất kho từ phần mềm

Chọn thời gian tính giá vốn và chọn nút "Đồng ý", phần mềm sẽ tự động cập nhật giá vốn vào Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết các tài khoản 632, Sổ cái tài khoản 632.

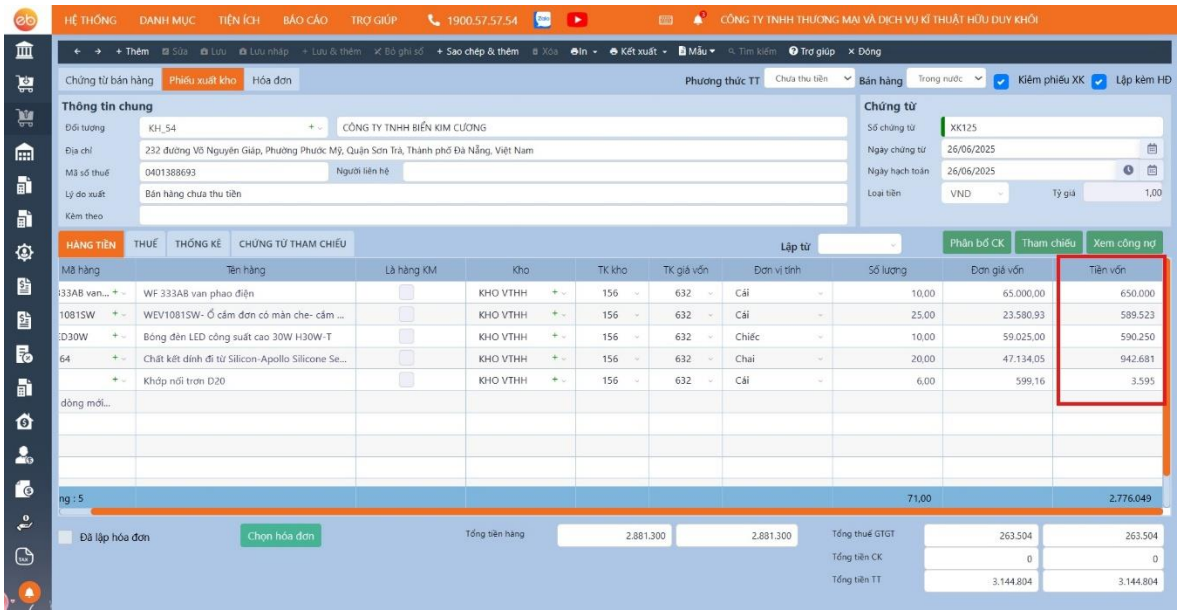

Ảnh 2.12: Màn hình giá vốn từ phần mềm theo hóa đơn 119

Sau khi kế toán nhập xong dữ liệu trên phần mềm Easybooks, phần mềm sẽ tự động cập nhập phiếu xuất kho.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 26 tháng 06 năm 2025
Số: XK125

Nợ: 632
Có: 156

- Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH BIỂN KIM CƯƠNG
- Địa chỉ (bộ phận): 232 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Lý do xuất kho: Bán hàng chưa thu tiền
- Xuất tại kho (ngăn lô): KHO VTHH Địa điểm:.....

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	WF 333AB van phao điện	WF 333AB van phao điện	Cái	10,00		65.000,00	650.000
2	WEV1081SW- Ổ cắm đơn có màn che- cắm nhanh	WEV1081SW	Cái	25,00		23.580,93	589.523
3	Bóng đèn LED công suất cao 30W H30W-T	BDLED30W	Chiếc	10,00		59.025,00	590.250
4	Chất kết dính đi từ Silicon- Apollo Silicone Sealant A300	VT_164	Chai	20,00		47.134,05	942.681
5	Khớp nối trơn D20	VT_3	Cái	6,00		599,16	3.595
	Cộng						**2.776.049**

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): ***Hai triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi chín đồng.***
- Số chứng từ gốc kèm theo: .....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Ảnh 2.13: Phiếu xuất kho hóa đơn 119 ngày 26/06/2025

Để mở sổ chi tiết TK 632 – Giá vốn hàng bán, kế toán thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "Sổ chi tiết các tài khoản" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản 632 – Giá vốn bán hàng bán → tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: S19–DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025
Tài khoản: 632 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
10/01/2025	10/01/2025	XK01	Xuất kho bán hàng cho CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÚC PHƯƠNG TẠI ĐÀ NẴNG	632	156	2,957,000		2,957,000	
10/01/2025	10/01/2025	XK02	Xuất kho bán hàng cho CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHÁCH SẠN TRUNG TÂM ĐÀ NẴNG	632	156	125,455		3,082,455	
14/01/2025	14/01/2025	XK061	Xuất kho bán hàng cho CÔNG TY TNHH BIỂN KIM CƯƠNG	632	156	7,699,075		10,781,530	
...			...						
24/06/2025	24/06/2025	XK120	Bán hàng chưa thu tiền	632	156	1,062,643		45,318,953	
24/06/2025	24/06/2025	XK124	Bán hàng chưa thu tiền	632	156	2,262,434		47,581,387	
26/06/2025	26/06/2025	XK125	Bán hàng chưa thu tiền	632	156	2,776,049		50,357,436	
27/06/2025	27/06/2025	XK126	Bán hàng chưa thu tiền	632	156	1,377,052		51,734,488	
...		...	...						
31/12/2025	31/12/2025	XK285	Xuất kho bán hàng cho CÔNG TY CỔ PHẦN BĐS CĂN HỘ KS TOKYO GRAND theo hoá đơn số 279	632	156	3,740,836			17,220,608
31/12/2025	31/12/2025	XK293	Xuất kho bán hàng cho CÔNG TY CP DỊCH VỤ KHÁCH SẠN KIM THÀNH - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG theo hoá đơn số 274	632	156	17,220,608			
			Cộng	**632**		**2,256,655,380**	**2,256,655,380**		
			Số dư cuối kỳ	**632**					
			Tổng cộng			**2,256,655,380**	**2,256,655,380**		

Bảng biểu 2.5: Sổ chi tiết tài khoản 632

Để mở sổ cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán, kế toán thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "S03bDNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán → tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: S03b – DNN
BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 632-Giá vốn hàng bán

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong				**2,256,655,380**	**2,256,655,380**
10/01/2025	XK01	10/01/2025	Xuất kho bán hàng cho CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÚC PHƯƠNG TẠI ĐÀ NẴNG			156	2,957,000	
10/01/2025	XK02	10/01/2025	Xuất kho bán hàng cho CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHÁCH SẠN TRUNG TÂM ĐÀ NẴNG			156	125,455	
14/01/2025	XK061	14/01/2025	Xuất kho bán hàng cho CÔNG TY TNHH BIÊN KIM CƯƠNG			156	7,699,075	
...		...	...					
24/06/2025	XK120	24/06/2025	Bán hàng chưa thu tiền			156	1,062,643	
24/06/2025	XK124	24/06/2025	Bán hàng chưa thu tiền			156	2,262,434	
26/06/2025	XK125	26/06/2025	Bán hàng chưa thu tiền			156	2,776,049	
27/06/2025	XK126	27/06/2025	Bán hàng chưa thu tiền			156	1,377,052	
...		...	...					
31/12/2025	XK285	31/12/2025	Xuất kho bán hàng cho CÔNG TY CỔ PHẦN BĐS CĂN HỘ KS TOKYO GRAND theo hoá đơn số 279			156	3,740,836	
31/12/2025	XK293	31/12/2025	Xuất kho bán hàng cho CÔNG TY CP DỊCH VỤ KHÁCH SẠN KIM THÀNH - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG theo hoá đơn số 274			156	17,220,608	
			- Cộng số phát sinh				**2,256,655,380**	**2,256,655,380**
			- Cộng lũy kế				**2,256,655,380**	**2,256,655,380**
			- Số dư cuối kỳ					

Bảng biểu 2.6: Sổ cái tài khoản 632

2.2.6. Kế toán chi phí tài chính

Trong năm 2025, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

2.2.7. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Các khoản được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" là chi phí lương nhân viên, chi phí liên quan đến dụng cụ văn phòng, chi phí điện thoại, chi phí thuê văn phòng, chi phí quan đến việc công tác quản lý và các chi phí liên quan khác.

a) Chứng từ kế toán

- Chi phí bán hàng
- Bảng phân bổ CCDC
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Ủy nhiệm chi

- Phiếu chi
- Bảng thanh toán tiền lương
- Hóa đơn GTGT
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

b) Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết tài khoản 6421
- Sổ chi tiết tài khoản 6422
- Sổ cái tài khoản 642
- Sổ nhật ký chung

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 – "Chi phí quản lý kinh doanh"

- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nghiệp vụ minh họa:

Nghiệp vụ 1: Ngày 01/01/2025, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kĩ thuật Hữu Duy Khôi hạch toán chi phí lệ phí môn bài năm 2025 là 2.000.000 đồng.

Kế toán vào phần mềm Easybooks chọn phân hệ "Tổng hợp" → Chọn "Chứng từ nghiệp vụ khác" → Chọn "Thêm" → Điền đầy đủ thông tin → chọn "Cất".

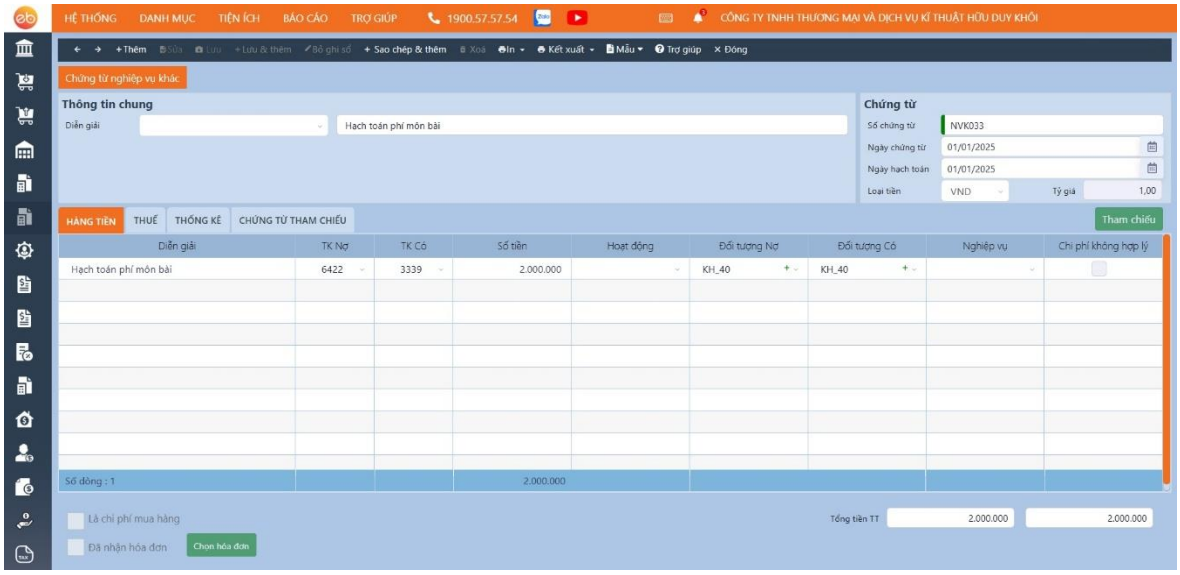

Ảnh 2.14: Giao diện hạch toán thuế môn bài trên phần mềm

22:27 15/5/26 Tra cứu giấy nộp tiền_Nộp thuế_KH Doanh nghiệp_Thue dien tu

Nộp thuế > *Tra cứu giấy nộp tiền*

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: .....
Số: OW2501178442825

Số tham chiếu: 11220250291275805

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI — Mã số thuế: 0402176010

Địa chỉ: 196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân

Quận/Huyện: Quận Cẩm Lệ — Tỉnh, TP: Đà Nẵng

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín — trích TK số: 0358291293

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Cẩm Lệ- Đà Nẵng — Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Quận Cẩm Lệ - Chi cục thuế khu vực Cẩm Lệ - Hòa Vang

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	**Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo**	**Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo**	**Nội dung các khoản nộp NSNN**	**Số tiền nguyên tệ**	**Số tiền VND**	**Mã chương**	**Mã NDKT**
1	0405435638580001	00/Q4/2024	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất, kinh doanh trong nước (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí).		23,808,483	755	1701
2	0405416775710001	00/CN/2025	Lệ phí môn bài mức (bậc) 2.		2,000,000	755	2863
			Tổng tiền		25,808,483		

https://thuedientu.gdt.gov.vn/etaxnnt/Request# 1/2

Ảnh 2.15: Giấy nộp tiền thuế môn bài

Kế toán vào phần mềm Easybooks chọn phân hệ "Ngân hàng" → Chọn "Báo nợ" → Chọn "Thêm" → Điền đầy đủ thông tin → Chọn "Lưu".

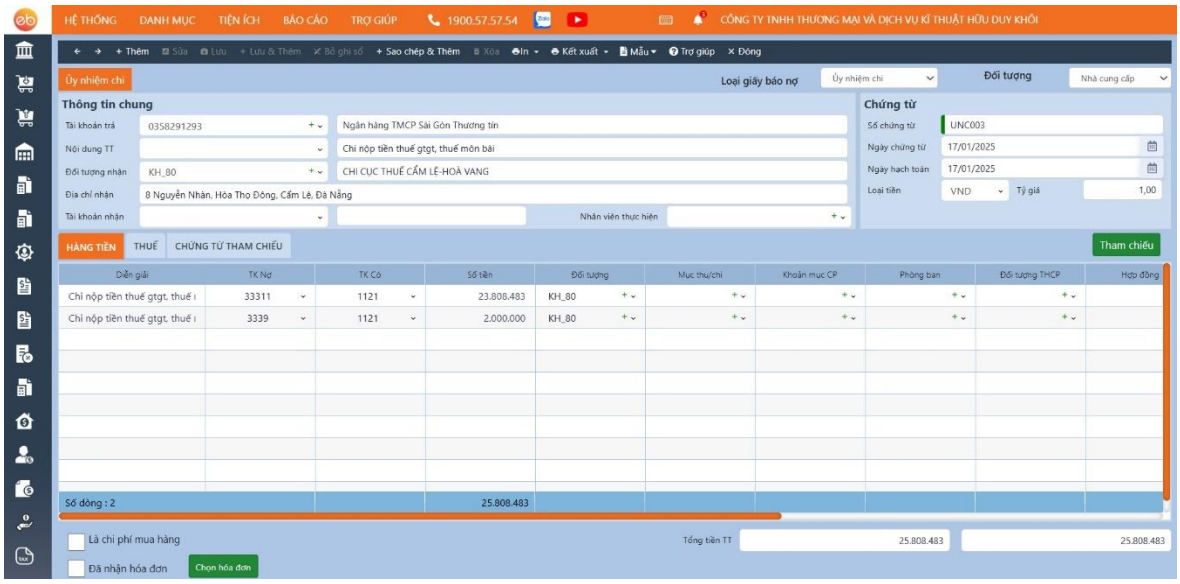

Ảnh 2.16: Giao diện hạch toán nộp tiền thuế môn bài

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

GIẤY BÁO NỢ

Người nhận tiền: CHI CỤC THUẾ CẦM LỆ-HOÀ VANG Địa chỉ: 8 Nguyễn Nhàn, Hòa Thọ Đông, Cẩm Lệ, Đà Nẵng Lý do thanh toán: Chi nộp tiền thuế gtgt, thuế môn bài	Số: UNC003 Ngày: 17/01/2025

Số tài khoản đơn vị trả tiền: 0358291293
Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín
Số tiền: 25.808.483 VND
Số tiền bằng chữ: **Hai mươi lăm triệu tám trăm linh tám nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng.**

Diễn Giải	Số tiền	Ghi Nợ	Ghi có
Chi nộp tiền thuế gtgt, thuế môn bài	23.808.483	33311	1121
Chi nộp tiền thuế gtgt, thuế môn bài	2.000.000	3339	1121

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Ảnh 2.17: Giấy báo nợ nộp tiền môn bài

Nghiệp vụ 2: Ngày 14/05/2025, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kĩ thuật Hữu Duy Khôi chi tiền mặt thanh toán chi phí vận chuyển cho Công ty Cổ Phần Dưỡng Khí Đà Nẵng theo hóa đơn 1929.

Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TDK
Số: 1929

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 14 tháng 05 năm 2025

MCCQT: 007742CE24BE99492A97DF01833D44E4D1

Tên người bán: Công Ty Cổ Phần Dưỡng Khí Đà Nẵng
Mã số thuế: 0400100591
Địa chỉ: Đường số 2, KCN Hoà Khánh, P. Hoà Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0236. 3842344
Số tài khoản: 111 00 000 9109 Ngân hàng Công Thương chi nhánh Bắc Đà Nẵng

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0402176010
Địa chỉ: 196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán: TM/CK
Số tài khoản:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Chi phí vận chuyển	Chuyến	1	92.592,59		8%	92.593

STT	Tên loại phí	Tiền phí
1		

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	92.593	7.407

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	92.593
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	7.407
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	100.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Một trăm nghìn đồng

Ảnh 2.18: Hóa đơn chi phí vận chuyển số 1929

Kế toán vào phần mềm Easybooks chọn “Ngân hàng” → Chọn “Báo nợ” → Nhấn “Thêm” → Điền đầy đủ thông tin → Nhấn “Lưu”.

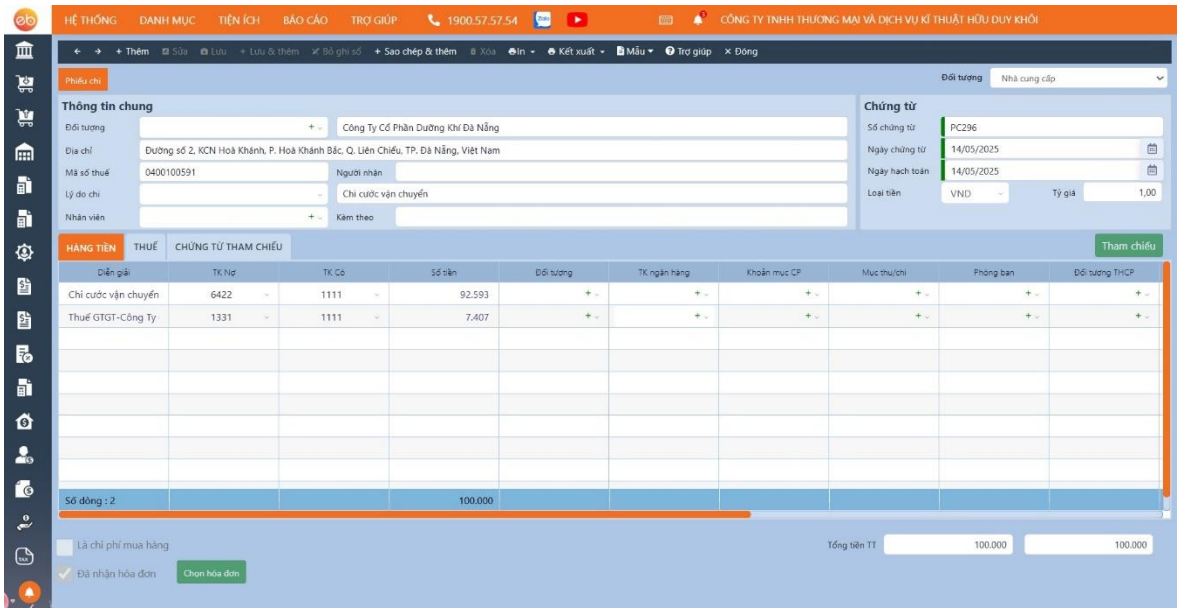

Ảnh 2.19: Giao diện hạch toán chi phí cước vận chuyển theo hóa đơn 1929

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI
Ngày 14 tháng 5 năm 2025

Quyển số: .....
Số: PC296
Nợ: 6422, 1331
Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền: Công Ty Cổ Phần Dưỡng Khí Đà Nẵng
Địa chỉ: Đường số 2, KCN Hoà Khánh, P. Hoà Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do chi: Chi cước vận chuyển
Số tiền: **100.000 VND**
(Viết bằng chữ): ***Một trăm nghìn đồng.***
Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Thủ quỹ**	**Người lập phiếu**	**Người nhận tiền**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Ảnh 2.20: Phiếu chi cước vận chuyển theo hóa đơn 1929

Nghiệp vụ 3: Ngày 29/09/2025 Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kĩ thuật Hữu Duy Khôi chi tiền mạng VNPT theo hóa đơn 43963.

Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TBA
Số: 43963

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 29 tháng 09 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
Mã số thuế: 0106869738-003
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số tài khoản:

Tên người mua: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0402176010
Mã ĐVCQHVNSNN:
CCCD người mua:
Số hộ chiếu:
Địa chỉ:
Hình thức thanh toán:
Số tài khoản:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1			Trả trước HOMETV S (App) (thuan91.fb.dng, dngmytv399115 13 tháng, từ 01/10/2025 đến 31/10/2026)	Gói	1			10%	2.018.182

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	2.018.182
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	201.818
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	2.220.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

Ảnh 2.21: Hóa đơn 43963 mạng VNPT

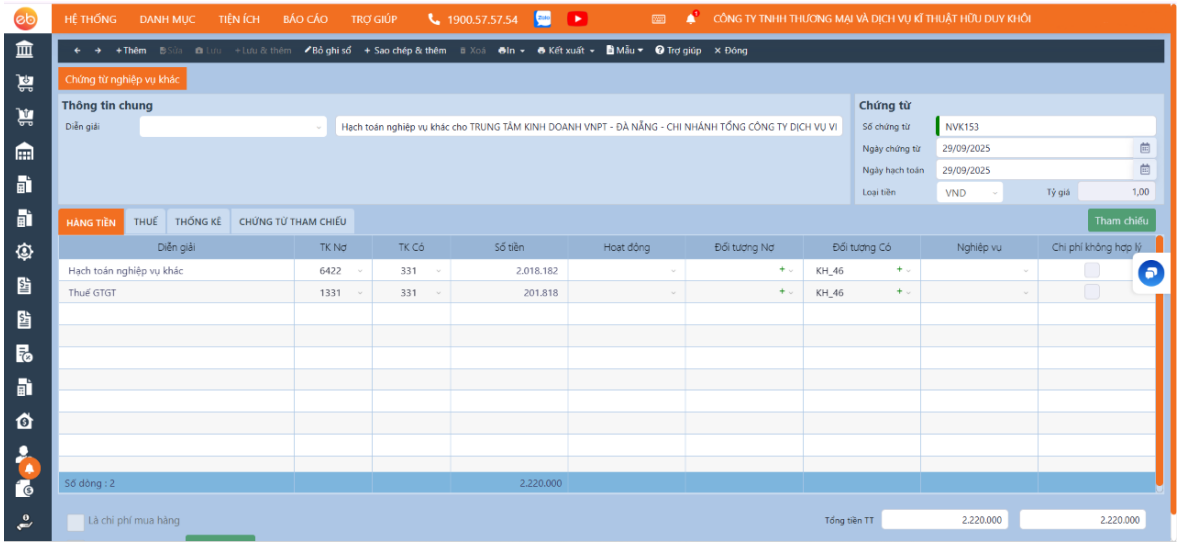

Ảnh 2.22: Giao diện hạch toán tiền mạng VNPT theo hóa đơn 43963

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

GIẤY BÁO NỢ

Người nhận tiền:	TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG	
Địa chỉ:	Số 346 Đường 2/9, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam	Số: UNC163
Lý do thanh toán:	Thanh toán cước dịch vụ	Ngày: 29/09/2025

Số tài khoản đơn vị trả tiền: 0358291293
Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín
Số tiền: 2.220.000 VND
Số tiền bằng chữ: **Hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng.**

Diễn Giải	Số tiền	Ghi Nợ	Ghi có
Thanh toán cước dịch vụ	2.220.000	331	1121

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Ảnh 2.23: Phiếu chi tiền mạng VNPT theo hóa đơn 43963

Nghiệp vụ 4: Ngày 30/11/2025, kế toán thực hiện phân bổ công cụ dụng cụ, vì các công cụ dụng cụ này đã được ghi nhận từ các kỳ trước nên trong năm 2025 kế toán tiếp tục thực hiện phân bổ chi phí theo thời gian sử dụng còn lại.

Kế toán vào phân hệ "Công cụ dụng cụ" → Chọn "Phân bổ công cụ" → Chọn Tháng để tính phân bổ chi phí → Chọn "Đồng ý".

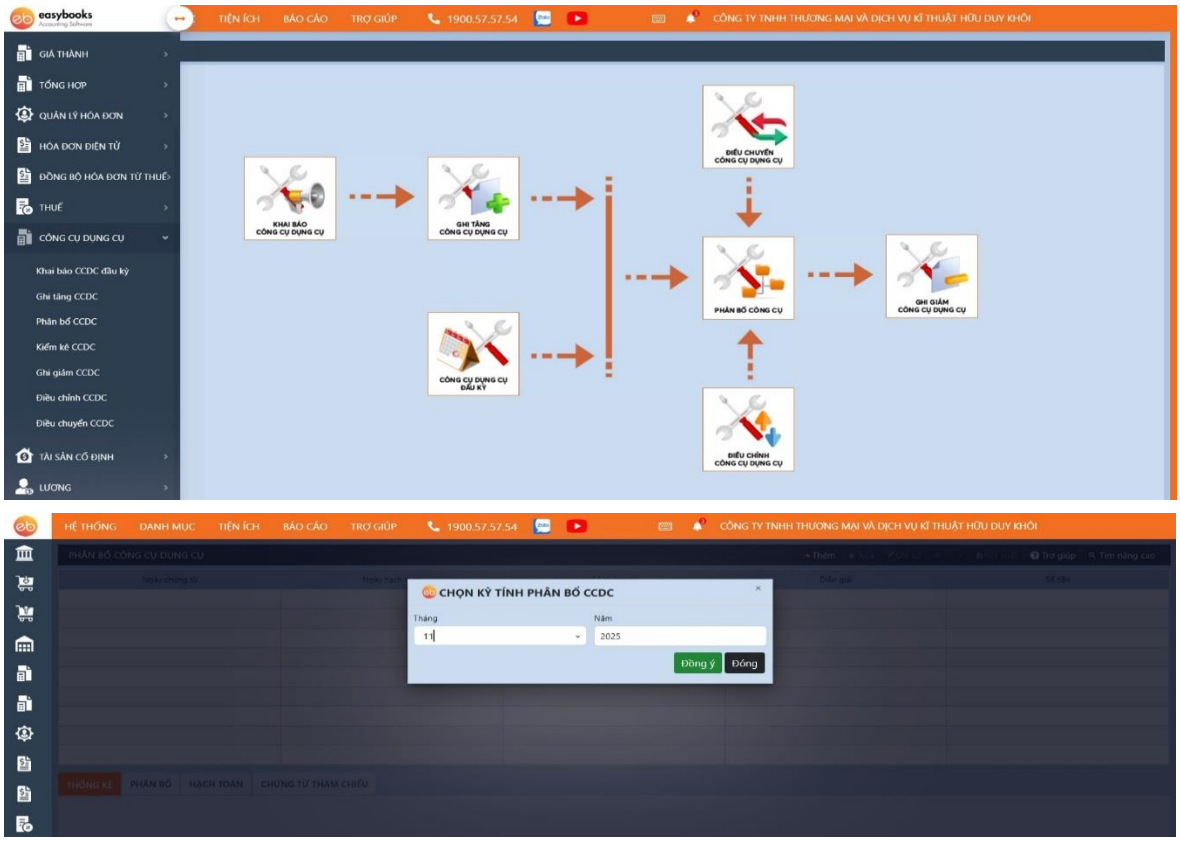

Ảnh 2.24: Giao diện phân bổ công cụ dụng cụ trên phần mềm Easybooks

Chương trình sẽ tự động tính phân bổ chi phí, sau đó kế toán nhấn "Lưu". Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước trong tháng 10 là 8.390.531 đồng.

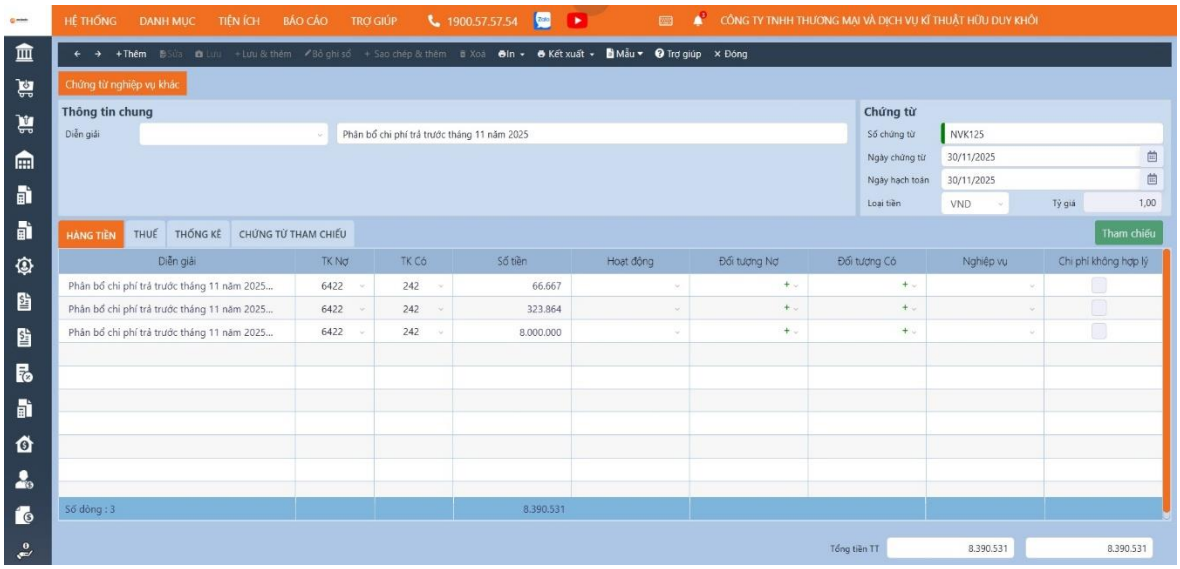

Ảnh 2.25: Giao diện hạch toán phân bổ chi phí trả trước

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

BẢNG PHÂN BỔ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC
Tháng 11 năm 2025

Mã chi phí	Tên chi phí	Ngày ghi nhận	Số tiền	Số kỳ PB	Số tiền PB hàng kỳ	Số kỳ đã PB	Số kỳ PB còn lại	Lũy kế đã PB	Số tiền còn lại
CKS	Chứng thư số	10/01/2023	2,800,000	42.00	66,667	35.00	7.00	2,324,822.00	475,178
TN2025	Thuê nhà 2025	01/01/2025	96,000,000	12.00	8,000,000	11.00	1.00	88,000,000.00	8,000,000
MT	Máy tính	11/03/2024	7,772,727	24.00	323,864	21.00	3.00	6,737,540.00	1,035,187
Tổng cộng			**106,572,727**	**78.00**	**8,390,531**	**67.00**	**11.00**	**97,062,362**	**9,510,365**

Ảnh 2.26: Bảng phân bổ chi phí trả trước tháng 11

Để mở sổ chi tiết tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "Sổ chi tiết các tài khoản" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp → tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: S19–DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản: 6422 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK033	Hạch toán phí môn bài	6422	3339	2,000,000		2,000,000	
27/01/2025	27/01/2025	UNC007	Phí dịch vụ	6422	1121	108,900		2,108,900	
...		...	...						
07/05/2025	07/05/2025	PC297	Chi tiền mặt cho CÔNG TY TNHH TIÊN PHƯỚC CENTER	6422	1111	4,659,764		12,596,764	
14/05/2025	14/05/2025	PC296	Chi cước vận chuyển	6422	1111	92,593		12,689,357	
27/05/2025	27/05/2025	UNC086	Phí dịch vụ	6422	1121	108,900		12,798,257	
...		...	...						
29/09/2025	29/09/2025	NVK153	Hạch toán nghiệp vụ khác cho TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG theo hoá đơn số 43963	6422	331	2,018,182		17,292,966	
29/09/2025	29/09/2025	UNC161	Phí dịch vụ	6422	1121	108,900		17,401,866	
...		...	...						
30/09/2025	30/09/2025	NVK064	lương nhân viên T09/2025	6422	334	16,600,000		34,001,866	
30/11/2025	30/11/2025	NVK125	Phân bổ chi phí trả trước tháng 11 năm 2025	6422	242	8,390,531		45,416,420	
30/11/2025	30/11/2025	NVK171	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/11/2025	6422	911		45,416,420		
...			...						
31/12/2025	31/12/2025	NVK126	Phân bổ chi phí trả trước tháng 12 năm 2025	6422	242	8,390,531		65,194,601	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6422	911		65,194,601		
			Cộng	**6422**		**458,330,336**	**458,330,336**		
			Số dư cuối kỳ	**6422**					
			Tổng cộng			**458,330,336**	**458,330,336**		

Bảng biểu 2.7: Sổ chi tiết tài khoản 6422

Để mở sổ cái tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "S03bDNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp → tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				**458,330,336**	**458,330,336**
01/01/2025	NVK033	01/01/2025	Hạch toán phí môn bài			3339	2,000,000	
27/01/2025	UNC007	27/01/2025	Phí dịch vụ			1121	108,900	
...			...					
07/05/2025	PC297	07/05/2025	Chi tiền mặt cho CÔNG TY TNHH TIẾN PHƯỚC CENTER			1111	4,659,764	
14/05/2025	PC296	14/05/2025	Chi cước vận chuyển			1111	92,593	
...			...					
29/09/2025	NVK153	29/09/2025	Hạch toán nghiệp vụ khác cho TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG theo hoá đơn số 43963			331	2,018,182	
29/09/2025	UNC161	29/09/2025	Phí dịch vụ			1121	108,900	
...		...	...					
30/11/2025	NVK080	30/11/2025	Hạch toán tiền BHXH nộp cho nhân viên T11/2025			3385	90,000	
30/11/2025	NVK125	30/11/2025	Phân bổ chi phí trả trước tháng 11 năm 2025			242	8,390,531	
30/11/2025	NVK171	30/11/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/11/2025			911		45,416,420
...		...	...					
31/12/2025	NVK126	31/12/2025	Phân bổ chi phí trả trước tháng 12 năm 2025			242	8,390,531	
31/12/2025	NVK172	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		65,194,601
			- Cộng số phát sinh				**458,330,336**	**458,330,336**
			- Cộng lũy kế				**458,330,336**	**458,330,336**
			- Số dư cuối kỳ					

Bảng biểu 2.8: Sổ cái tài khoản 6422

2.2.8. Kế toán chi phí khác

a) Chứng từ kế toán

- Thông báo nợ thuế
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

b) Sổ sách kế toán

- Sổ cái tài khoản 811

- Sổ chi tiết tài khoản 811
- Sổ nhật ký chung

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – "Chi phí khác"

Trong năm 2025, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kĩ thuật Hữu Duy Khôi có chậm nộp thuế. Khi nộp thuế quá hạn quy định hệ thống thuedientu.gdt.gov.vn sẽ báo số tiền chậm nộp trên hệ thống, kế toán kiểm tra và nộp thuế, khoản thuế chậm nộp sẽ được đưa vào tài khoản 811. Các khoản thuế này sẽ nộp bằng tài khoản ngân hàng trên hệ thống thuế điện tử. Khi nộp tiền thành công hệ thống thuế điện tử sẽ có giấy nộp tiền.

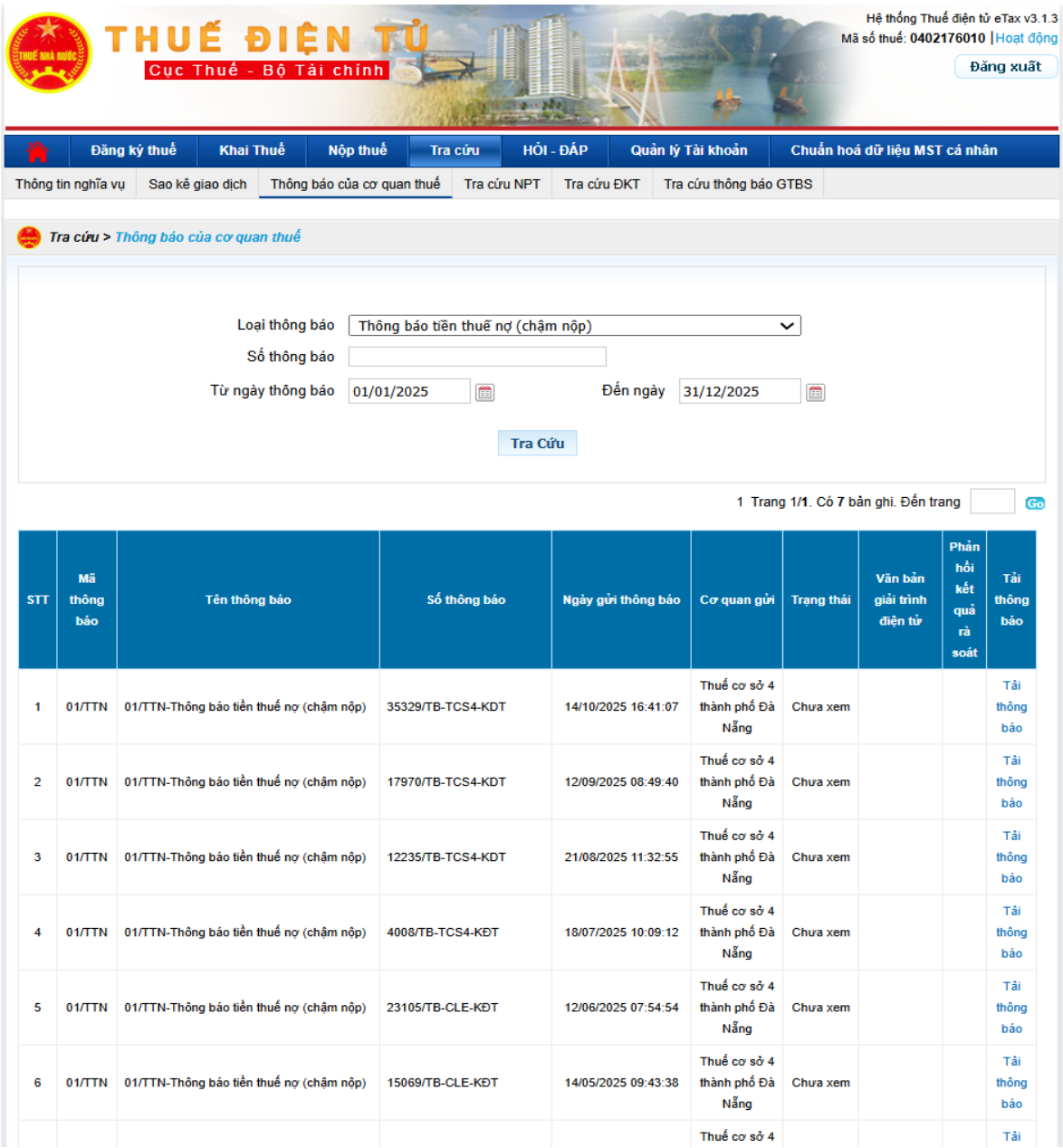

STT	Mã thông báo	Tên thông báo	Số thông báo	Ngày gửi thông báo	Cơ quan gửi	Trạng thái	Văn bản giải trình điện tử	Phản hồi kết quả rà soát	Tải thông báo
1	01/TTN	01/TTN-Thông báo tiền thuế nợ (chậm nộp)	35329/TB-TCS4-KDT	14/10/2025 16:41:07	Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng	Chưa xem			Tải thông báo
2	01/TTN	01/TTN-Thông báo tiền thuế nợ (chậm nộp)	17970/TB-TCS4-KDT	12/09/2025 08:49:40	Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng	Chưa xem			Tải thông báo
3	01/TTN	01/TTN-Thông báo tiền thuế nợ (chậm nộp)	12235/TB-TCS4-KDT	21/08/2025 11:32:55	Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng	Chưa xem			Tải thông báo
4	01/TTN	01/TTN-Thông báo tiền thuế nợ (chậm nộp)	4008/TB-TCS4-KĐT	18/07/2025 10:09:12	Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng	Chưa xem			Tải thông báo
5	01/TTN	01/TTN-Thông báo tiền thuế nợ (chậm nộp)	23105/TB-CLE-KĐT	12/06/2025 07:54:54	Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng	Chưa xem			Tải thông báo
6	01/TTN	01/TTN-Thông báo tiền thuế nợ (chậm nộp)	15069/TB-CLE-KĐT	14/05/2025 09:43:38	Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng	Chưa xem			Tải thông báo
					Thuế cơ sở 4				Tải

Ảnh 2.27: Màn hình thông báo khoản chậm nộp

Nộp thuế > Tra cứu giấy nộp tiền

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: .....
Số: OW2508202578130

Số tham chiếu: 11220250337575803

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI — Mã số thuế: 0402176010

Địa chỉ: 196 Lê Quảng Chí, Phường Hòa Xuân

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín — trích TK số: 0358291293

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII — Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quận Cẩm Lệ Nam Đà Nẵng

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Phường Hòa Xuân - Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	**Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo**	**Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo**	**Nội dung các khoản nộp NSNN**	**Số tiền nguyên tệ**	**Số tiền VND**	**Mã chương**	**Mã NDKT**
1	7600358231930001	00/CN/2024	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí).		7,740	755	4918
			Tổng tiền		7,740		

Ảnh 2.28: Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

GIẤY BÁO NỢ

Người nhận tiền: CHI CỤC THUẾ CẨM LỆ-HOÀ VANG Địa chỉ: 8 Nguyễn Nhàn, Hòa Thọ Đông, Cẩm Lệ, Đà Nẵng Lý do thanh toán: Tiền chậm nộp thuế	Số: UNC120 Ngày: 20/08/2025

Số tài khoản đơn vị trả tiền: 0358291293
Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín
Số tiền: 7.740 VND
Số tiền bằng chữ: **Bảy nghìn bảy trăm bốn mươi đồng.**

Diễn Giải	Số tiền	Ghi Nợ	Ghi có
Tiền chậm nộp thuế	7.740	811	1121

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

CHI CỤC THUẾ CẨM LỆ-HOÀ VANG

Ảnh 2.29: Giấy báo nợ tiền chậm nộp thuế

Kế toán vào phần mềm Easybooks chọn phân hệ "Ngân hàng" → Chọn "Báo nợ" → Chọn "Thêm" → Điền đầy đủ thông tin → Chọn "Lưu".

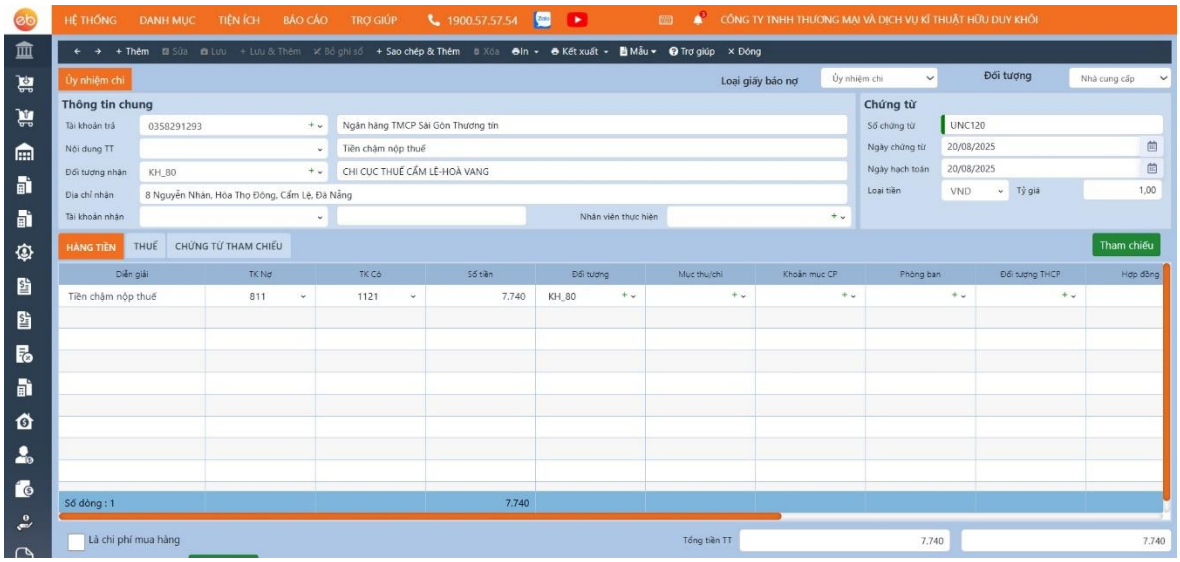

Ảnh 2.30: Giao diện hạch toán tiền chậm nộp thuế TNDN

Để mở sổ chi tiết tài khoản 811 – Chi phí khác kế toán, thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "Sổ chi tiết các tài khoản" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản 811 Chi phí khác → tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: S19–DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản: 811 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
18/04/2025	18/04/2025	UNC021	Nộp thuế TNDN 2024, thuế gtgt quý 1/2025	811	1121	35,998		35,998	
30/04/2025	30/04/2025	NVK157	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/04/2025	811	911		35,998		
20/08/2025	20/08/2025	UNC120	Tiền chậm nộp thuế	811	1121	7,740		7,740	
20/08/2025	20/08/2025	UNC121	Tiền chậm nộp thuế	811	1121	4,752		12,492	
31/08/2025	31/08/2025	NVK168	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/08/2025	811	911		12,492		
11/12/2025	11/12/2025	UNC286	Chi ủng hộ tiệc cuối năm	811	1121	500,000		500,000	
16/12/2025	16/12/2025	PC502	Chi phí khác	811	1111	706,394		1,206,394	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	811	911		1,206,394		
			Cộng	**811**		**1,254,884**	**1,254,884**		
			Số dư cuối kỳ	**811**					
			Tổng cộng			**1,254,884**	**1,254,884**		

Bảng biểu 2.9: Sổ chi tiết tài khoản 811

Để mở sổ cái TK 811 – Chi phí khác, kế toán thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "S03bDNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản 811– Chi phí khác → tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: S03b-DN
BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 811-Chi phí khác

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				**1,254,884**	**1,254,884**
18/04/2025	UNC021	18/04/2025	Nộp thuế TNDN 2024, thuế gtgt quý 1/2025			1121	35,998	
30/04/2025	NVK157	30/04/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/04/2025			911		35,998
20/08/2025	UNC120	20/08/2025	Tiền chậm nộp thuế			1121	7,740	
20/08/2025	UNC121	20/08/2025	Tiền chậm nộp thuế			1121	4,752	
31/08/2025	NVK168	31/08/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/08/2025			911		12,492
11/12/2025	UNC286	11/12/2025	Chi ủng hộ tiệc cuối năm			1121	500,000	
16/12/2025	PC502	16/12/2025	Chi phí khác			1111	706,394	
31/12/2025	NVK172	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		1,206,394
			- Cộng số phát sinh				**1,254,884**	**1,254,884**
			- Cộng lũy kế				**1,254,884**	**1,254,884**
			- Số dư cuối kỳ					

Bảng biểu 2.10: Sổ cái tài khoản 811

2.2.9. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chứng từ sử dụng

- "Tờ khai quyết toán thuế" TNDN trong năm.
- Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà Nước

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 821
- Sổ cái tài khoản 821
- Sổ nhật ký chung

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 – "Chi phí thuế TNDN hiện hành"

Trong năm 2025, công ty không phát sinh kế toán thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ theo Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa - đồng thời làm cơ sở để áp dụng chính sách miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu thành lập theo Nghị quyết số 198/2025/QH15 và

Nghị định số 20/2026/NĐ-CP - tiêu chí xác định doanh nghiệp siêu nhỏ được quy định cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)
[02] Lần đầu: [X] **[03]** Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G47 - Bán lẻ
[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %
[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
[07] Mã số thuế: 0402176010

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):
[09] Mã số thuế:
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	65.212.373
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	**1.254.884**
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	1.254.884
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	**66.467.257**
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	66.467.257
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	66.467.257
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	5.399.840
	Trong đó:		
3.1	*+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ*	*C3a*	*5.399.840*
3.2	*+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD*	*C3b*	*0*

1/3

4	Thu nhập tính thuê (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	61.067.417
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	61.067.417
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 15%*	*C7*	*61.067.417*
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	*0*
6.3	*+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)*	*C8a*	*0*
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi(C9 =(C7 x 15%) + (C8 x C8a))	C9	9.160.113
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	12.213.483
	Trong đó:		
8.1	*+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi*	*C11*	*3.053.370*
8.2	*+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ*	*C12*	*9.160.113*
8.3	*+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ*	*C13*	*0*
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	**0**
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**0**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	*0*
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	*0*
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	*0*
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	**0**
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		***0***
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		***0***
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	**Chênh lệch giữa sô thuê phải nộp và sô thuê đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**0**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 11 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

BÙI THỊ HẬU HỮU

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI*
Ngày ký: 27/03/2026 19:30:10.

Ảnh 2.31: Tờ khai quyết toán thuế TNDN

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
[03] Mã số thuế: 0402176010

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	2.781.393.928
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	59.045
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	59.045
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	2.714.985.716
a	Giá vốn hàng bán	[13]	2.256.655.380
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	458.330.336
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	66.467.257
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	0
8	**Chi phí khác**	**[20]**	1.254.884
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	(1.254.884)
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	65.212.373

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 11 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

BÙI THỊ HẬU HỮU

Ghi chú: *Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI*
Ngày ký: 27/03/2026 19:30:10.

Ảnh 2.32: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mẫu số 03-1A/TNDN

2.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Xác định kết quả kinh doanh là quá trình tập hợp và kết chuyển tất cả các doanh thu về bên Có và tất cả chi phí về bên Nợ của tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

a) Chứng từ kế toán

- Phiếu kết chuyển

b) Sổ sách kế toán

- Sổ cái tài khoản 911
- Sổ chi tiết tài khoản 911
- Sổ nhật ký chung

c) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – "Xác định kết quả hoạt động kinh doanh"

Cuối kỳ, sau khi đã kiểm tra tất cả chứng từ kế toán, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu và chi phí vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong năm. Vào mục "Tổng hợp" và Chọn "Kết chuyển lãi lỗ", phần mềm sẽ tự động kết chuyển.

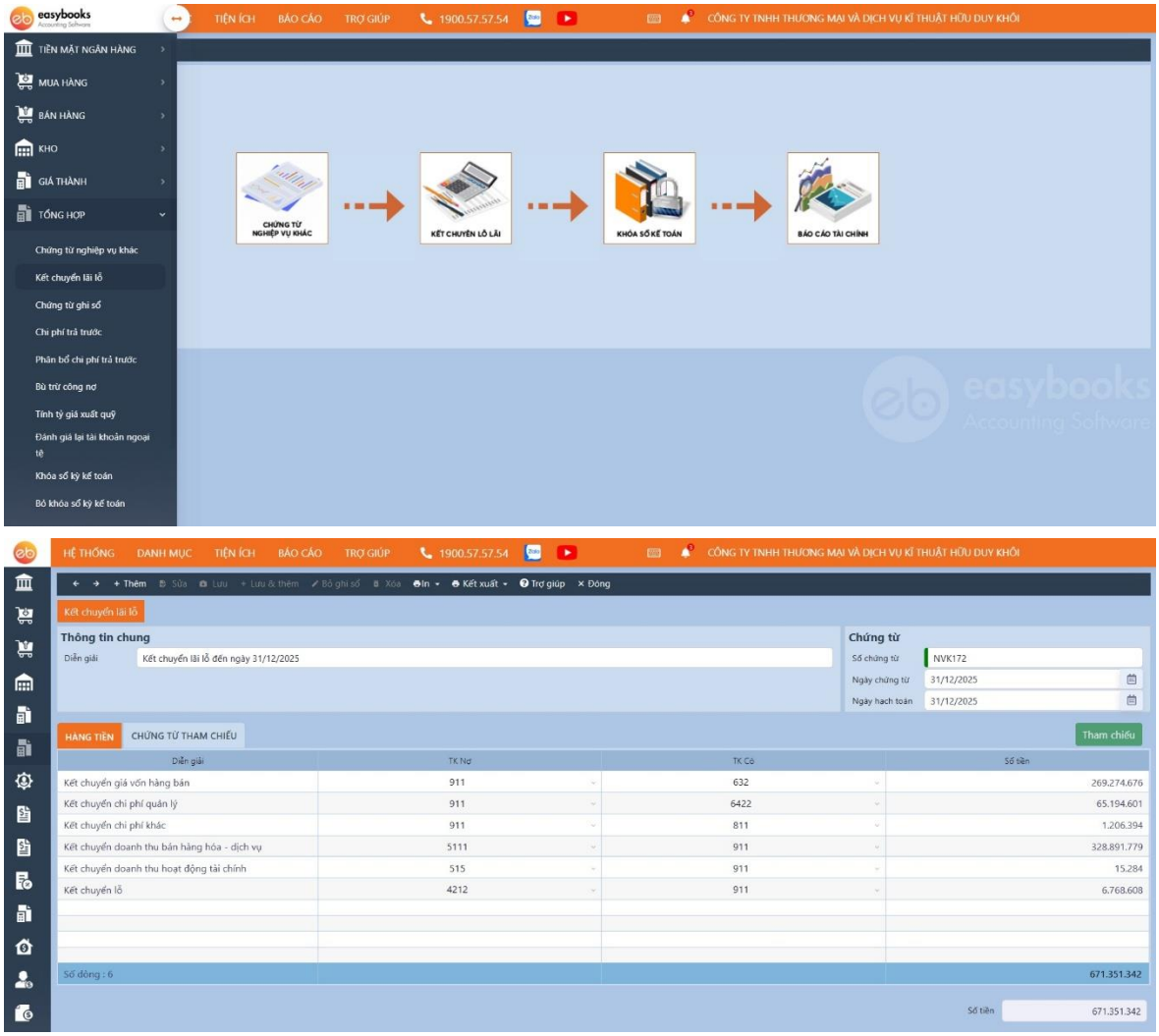

Ảnh 2.33: Giao diện kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh

Để mở sổ chi tiết tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh, kế toán thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "Sổ chi tiết các tài khoản" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh → tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
196 Lê Quảng Chỉ, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: S19–DNN
(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản: 911 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	632	269,274,676		269,274,676	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6422	65,194,601		334,469,277	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	811	1,206,394		335,675,671	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5111		328,891,779	6,783,892	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	515		15,284	6,768,608	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212		6,768,608		
			Cộng	**911**		**2,801,995,682**	**2,801,995,682**		
			Số dư cuối kỳ	**911**					
			Tổng cộng			**2,801,995,682**	**2,801,995,682**		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...
- Ngày mở sổ: .....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bảng biểu 2.11: Sổ chi tiết tài khoản 911

Để mở sổ cái tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh, kế toán thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "S03b DNN: Sổ cái (Hình thức Nhật ký chung)" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn vào tài khoản 911– Xác định kết quả kinh doanh→ tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT
196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số: S03b-DN
BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 911-Xác định kết quả kinh doanh

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				**2,801,995,682**	**2,801,995,682**
31/12/2025	NVK172	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			4212		6,768,608
31/12/2025	NVK172	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5111		328,891,779
31/12/2025	NVK172	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			515		15,284
31/12/2025	NVK172	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			632	269,274,676	
31/12/2025	NVK172	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6422	65,194,601	
31/12/2025	NVK172	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			811	1,206,394	
			- Cộng số phát sinh				**2,801,995,682**	**2,801,995,682**
			- Cộng lũy kế kỳ				**2,801,995,682**	**2,801,995,682**

Bảng biểu 2.12: Sổ cái tài khoản 911

Để mở sổ nhật ký chung kế toán thực hiện thao tác: Vào "Báo cáo" → "Tổng hợp" → "Sổ nhật ký chung" → chọn kỳ báo cáo thích hợp → tích chọn "Cộng gộp các bút toán giống nhau" → chọn "Xem báo cáo".

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI

196 Lê Quảng Chí, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0402176010

Mẫu số S03a – DNN

BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
			Số lũy kế kỳ trước chuyển sang				
01/01/2025	01/01/2025	NVK017	Kết chuyển lỗ đầu năm	4212	4211	10,570,461	
01/01/2025	01/01/2025	NVK017	Kết chuyển lỗ đầu năm	4211	4212		10,570,461
01/01/2025	01/01/2025	NVK033	Hạch toán phí môn bài	6422	3339	2,000,000	
01/01/2025	01/01/2025	NVK033	Hạch toán phí môn bài	3339	6422		2,000,000
02/01/2025	02/01/2025	NVK083	Thuê nhà năm 2025	242	331	96,000,000	
02/01/2025	02/01/2025	NVK083	Thuê nhà năm 2025	331	242		96,000,000
14/05/2025	14/05/2025	MH215	Mua hàng nhập kho	1331	331	227,273	
14/05/2025	14/05/2025	MH215	Mua hàng nhập kho	331	1331		227,273
14/05/2025	14/05/2025	PC296	Chi cước vận chuyển	6422	1111	92,593	
14/05/2025	14/05/2025	PC296	Chi cước vận chuyển	1111	6422		92,593
14/05/2025	14/05/2025	PC296	Chi cước vận chuyển	1331	1111	7,407	
14/05/2025	14/05/2025	PC296	Chi cước vận chuyển	1111	1331		7,407
26/06/2025	26/06/2025	BC082	Thu tiền bán hàng	1121	131	25,733,882	
26/06/2025	26/06/2025	BC082	Thu tiền bán hàng	131	1121		25,733,882
26/06/2025	26/06/2025	BH125	Bán hàng chưa thu tiền	131	5111	2,881,300	
26/06/2025	26/06/2025	BH125	Bán hàng chưa thu tiền	5111	131		2,881,300
26/06/2025	26/06/2025	XK125	Bán hàng chưa thu tiền	632	156	2,776,049	
26/06/2025	26/06/2025	XK125	Bán hàng chưa thu tiền	156	632		2,776,049
27/06/2025	27/06/2025	BC083	Thu tiền bán hàng	1121	131	21,064,620	
27/06/2025	27/06/2025	BC083	Thu tiền bán hàng	131	1121		21,064,620
20/08/2025	20/08/2025	UNC119	Thanh toán tiền hàng	331	1121	1,914,000	
20/08/2025	20/08/2025	UNC119	Thanh toán tiền hàng	1121	331		1,914,000
20/08/2025	20/08/2025	UNC120	Tiền chậm nộp thuế	811	1121	7,740	
20/08/2025	20/08/2025	UNC120	Tiền chậm nộp thuế	1121	811		7,740
20/08/2025	20/08/2025	UNC121	Tiền chậm nộp thuế	811	1121	4,752	
20/08/2025	20/08/2025	UNC121	Tiền chậm nộp thuế	1121	811		4,752
29/09/2025	29/09/2025	MH486	Mua hàng nhập kho	1331	331	138,563	
29/09/2025	29/09/2025	MH486	Mua hàng nhập kho	331	1331		138,563
29/09/2025	29/09/2025	NVK153	Hạch toán nghiệp vụ khác cho TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG theo hoá đơn số 43963	6422	331	2,018,182	
29/09/2025	29/09/2025	NVK153	Hạch toán nghiệp vụ khác cho TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG theo hoá đơn số 43963	331	6422		2,018,182

31/10/2025	31/10/2025	BC150	Thu tiền bán hàng	1121	131	52,027,860	
31/10/2025	31/10/2025	BC150	Thu tiền bán hàng	131	1121		52,027,860
31/10/2025	31/10/2025	BC162	Thu lãi nhập vốn	1121	515	6,348	
31/10/2025	31/10/2025	BC162	Thu lãi nhập vốn	515	1121		6,348
30/11/2025	30/11/2025	BH262	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI HOA PHƯỢNG theo hoá đơn số 251	131	33311	4,028,598	
30/11/2025	30/11/2025	BH262	Bán hàng chưa thu tiền của CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI HOA PHƯỢNG theo hoá đơn số 251	33311	131		4,028,598
30/11/2025	30/11/2025	NVK125	Phân bổ chi phí trả trước tháng 11 năm 2025	6422	242	8,390,531	
30/11/2025	30/11/2025	NVK125	Phân bổ chi phí trả trước tháng 11 năm 2025	242	6422		8,390,531
31/12/2025	31/12/2025	NVK126	Phân bổ chi phí trả trước tháng 12 năm 2025	6422	242	8,390,531	
31/12/2025	31/12/2025	NVK126	Phân bổ chi phí trả trước tháng 12 năm 2025	242	6422		8,390,531
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	632	269,274,676	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	632	911		269,274,676
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6422	65,194,601	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6422	911		65,194,601
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	811	1,206,394	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	811	911		1,206,394
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5111	911	328,891,779	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5111		328,891,779
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	515	911	15,284	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	515		15,284
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	4212	911	6,768,608	
31/12/2025	31/12/2025	NVK172	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212		6,768,608
			Cộng số phát sinh			**21.567.385.953**	**21.567.385.953**

Bảng biểu 2.13: Sổ nhật ký chung

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B02 - DNN**
(*Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính*)

Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
[03] Mã số thuế: 0402176010

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**2.781.393.928**	**1.928.539.214**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**0**	**0**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		**2.781.393.928**	**1.928.539.214**
4. Giá vốn hàng bán	**11**		**2.256.655.380**	**1.548.365.613**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**524.738.548**	**380.173.601**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		**59.045**	**20.661**
7. Chi phí tài chính	**22**		**0**	**0**
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		**458.330.336**	**370.417.057**
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		**66.467.257**	**9.777.205**
10. Thu nhập khác	**31**		**0**	**1.609.348**
11. Chi phí khác	**32**		**1.254.884**	**816.092**
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(1.254.884)**	**793.256**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**65.212.373**	**10.570.461**
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		**0**	**0**
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**65.212.373**	**10.570.461**

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)	*(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)*
		BÙI THỊ HẬU HỮU

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI*
Ngày ký: 27/03/2026 19:31:39.

1/1

Ảnh 2.34: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI

3.1 Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi

3.1.1. Ưu điểm

*Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy kế toán Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung gọn nhẹ, tiết kiệm được nhiều chi phí, thời gian cho công ty, phù hợp với yêu cầu đòi hỏi của công việc. Tại phòng kế toán mỗi kế toán đảm nhận một mảng riêng, rõ ràng và có mối quan hệ chặt chẽ với các bộ phận. Đội ngũ kế toán có trình độ cao, do đó công tác kế toán đạt hiệu quả và hạn chế nhiều sai sót.

*Thứ hai: Về phương pháp hạch toán và hình thức kế toán

Phương pháp hạch toán được công ty thực hiện theo đúng chuẩn mực kế toán, luôn bám sát các chế độ kế toán mới, phản ánh đầy đủ, trung thực, kịp thời các nghiệp vụ kế toán. Trong điều kiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thường xuyên nên việc công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung là hoàn toàn hợp lý giúp cho công tác quản lý chặt chẽ và có hiệu quả. Bên cạnh đó công ty đã sử dụng phần mềm kế toán phục vụ cho công tác kế toán nên đã giảm tải được nhiều công việc, tiết kiệm thời gian và đảm bảo độ chính xác số liệu kế toán.

*Thứ ba: Sổ kế toán, chứng từ kế toán

Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán được công ty sử dụng theo đúng quy định của Bộ tài chính và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các chứng từ được sử dụng tuân thủ theo đúng yêu cầu của bộ Tài chính, trên mỗi chứng từ hợp lệ có đầy đủ các tiêu chí theo quy định. Trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện hạch toán đúng, đủ, kịp thời quá trình bán hàng.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm, hiện nay công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty còn có những mặt hạn chế cần khắc phục sau:

* Thứ nhất: Công ty sử dụng phần mềm kế toán trên máy tính có thể gây ra một số hạn chế cho doanh nghiệp nếu việc hạch toán bị gián đoạn khi bị mất điện, mất mạng, lỗi phần mềm, lỗi máy tính,…Phần mềm khó khăn trong việc tìm ra lỗi sai nếu có sai sót hoặc mất thời gian để sửa lỗi khi mắc phải. Phần mềm dễ bị đơ, chạy chậm.

* Thứ hai: Công ty chưa thực hiện phân loại và theo dõi đầy đủ các khoản chi phí trả trước phát sinh nhiều kỳ. Một số khoản chi phí dịch vụ có thời gian sử dụng kéo dài như chi phí trả trước của mạng VNPT chưa được hạch toán và phân bổ hợp lý theo

từng kỳ sử dụng, dẫn đến chi phí phát sinh trong kỳ chưa phản ánh đầy đủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

* Thứ ba: Công ty chưa cập nhật đầy đủ các quy định pháp luật về quản lý thuế, dẫn đến việc thực hiện kê khai lệ phí môn bài nhiều lần trong khi theo quy định chỉ cần kê khai khi mới thành lập doanh nghiệp hoặc khi có thay đổi về mức lệ phí môn bài. Điều này làm mất nhiều thời gian xử lý hồ sơ, tăng khối lượng công việc hành chính và ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuế của doanh nghiệp. (Xem ở phụ lục 1)

* Thứ tư: Công ty chưa chú trọng đến công tác thanh toán, đa số các giao dịch với khách hàng và nhà cung cấp đều thực hiện theo hình thức thanh toán chậm, làm ảnh hưởng đến dòng tiền và tính chủ động về tài chính của doanh nghiệp.

* Thứ năm: Công ty hiện không áp dụng các khoản chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán, làm giảm đáng kể năng lực cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh đó, các hoạt động quảng bá thương hiệu, sản phẩm còn hạn chế nên số lượng khách hàng và khả năng tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ vẫn chưa đạt hiệu quả cao.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kĩ Thuật Hữu Duy Khôi, em xin phép đưa ra đề xuất và giải pháp hoàn thiện với mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán của công ty.

* Thứ nhất: Công ty nên tăng cường khai thác các tính năng kết nối dữ liệu giữa phần mềm hóa đơn điện tử và phần mềm kế toán, đồng thời thực hiện đối chiếu định kỳ giữa hóa đơn điện tử và sổ kế toán. Việc này nhằm đảm bảo tính chính xác và thống nhất của số liệu doanh thu và thuế, đồng thời giảm bớt khối lượng công việc và hạn chế rủi ro sai sót, trùng lặp.

* Thứ hai: Công ty cần thực hiện hạch toán các khoản chi phí trả trước phát sinh nhiều kỳ vào TK 242 và phân bổ dần theo thời gian sử dụng thực tế. Đối với khoản chi phí của mạng VNPT được thanh toán trước cho nhiều tháng sử dụng, kế toán nên ghi nhận vào TK 242 – Chi phí trả trước và thực hiện phân bổ vào TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp theo từng tháng. Việc hạch toán và phân bổ đúng quy định sẽ giúp phản ánh chính xác chi phí phát sinh trong từng kỳ kế toán, đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, đồng thời nâng cao độ tin cậy của thông tin trên báo cáo tài chính.

- Khi phát sinh chi phí trả trước:

Nợ TK 242: 2.018.182 đồng

Nợ TK 133: 201.818 đồng

Có TK 331: 2.220.000 đồng

- Chi phí được phân bổ trong năm 2025 (từ tháng 10/2025 đến tháng 12/2025):

Nợ TK 6422: 504.546 đồng

Có TK 242: 504.546 đồng

* Thứ ba: Kế toán cần quán triệt sâu sắc và tuân thủ nghiêm ngặt quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Nghị định số 91/2022/NĐ-CP. Công ty chỉ lập và nộp lại Tờ khai lệ phí môn bài khi có sự thay đổi về vốn điều lệ làm căn cứ điều chỉnh bậc lệ phí môn bài phải nộp, hoặc khi thành lập mới đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh. Trong điều kiện hoạt động bình thường các năm tiếp theo, không lập lại tờ khai mà chỉ tập trung thực hiện nghĩa vụ nộp tiền môn bài vào Ngân sách Nhà nước trước ngày 30 tháng 01 hàng năm.

Theo Nghị quyết số 198/2025/QH15, kể từ ngày 01/01/2026 đã chấm dứt việc thu, nộp lệ phí môn bài đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh. Do đó, Công ty không còn phải thực hiện kê khai và nộp lệ phí môn bài từ năm 2026 trở đi.

* Thứ tư: Công ty cần triển khai công tác thu hồi công nợ đối với khách hàng một cách thường xuyên và hiệu quả hơn nhằm hạn chế tình trạng chậm thanh toán, đảm bảo khả năng thu hồi vốn và ổn định dòng tiền. Để thực hiện tốt công tác này, công ty có thể xây dựng quy trình thu hồi công nợ như sau:

Bước 1: Xác định mức công nợ và thời hạn thanh toán phù hợp đối với từng khách hàng.

Bước 2: Phân loại các khoản nợ dựa trên mức độ quan trọng và khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp xử lý phù hợp.

Bước 3: Phân công nhân viên phụ trách theo dõi và thu hồi công nợ nhằm nâng cao trách nhiệm trong quá trình thực hiện.

Bước 4: Chủ động nhắc nhở khách hàng trước thời hạn thanh toán bằng điện thoại hoặc email để hạn chế phát sinh nợ quá hạn.

* Thứ năm: Công ty nên xây dựng chính sách chiết khấu thương mại phù hợp cho từng nhóm khách hàng nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Việc áp dụng các chương trình ưu đãi với mức chiết khấu hợp lý sẽ góp phần thu hút khách hàng, khuyến khích tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ, đồng thời nâng cao hình ảnh và uy tín của công ty đối với khách hàng. Qua đó, công ty có thể mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

KẾT LUẬN

Qua quá trình học tập tại nhà trường và thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kỹ Thuật Hữu Duy Khôi, em nhận thấy rằng giữa lý thuyết và thực tiễn có những điểm khác biệt nhất định, tuy nhiên hai yếu tố này luôn có mối quan hệ chặt chẽ và bổ trợ cho nhau. Kiến thức lý thuyết là nền tảng quan trọng, trong khi thực tiễn giúp củng cố, vận dụng và hoàn thiện những kiến thức đã học.

Trong thời gian thực tập, em nhận thấy Công ty có môi trường làm việc thân thiện, nhân viên nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công việc. Mặc dù quy mô công ty còn nhỏ nhưng công tác quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh được thực hiện khá hiệu quả, góp phần nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường.

Thông qua đề tài: "Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kỹ Thuật Hữu Duy Khôi", em nhận thấy công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chính xác sẽ giúp doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, đồng thời là cơ sở để Ban Giám đốc đưa ra các quyết định phù hợp trong quá trình quản lý và phát triển doanh nghiệp.

Qua quá trình tìm hiểu thực tế tại Công ty, em đã có cơ hội tiếp cận với các chứng từ, sổ sách kế toán cũng như quy trình hạch toán liên quan đến hoạt động bán hàng. Từ đó, em mạnh dạn đưa ra một số góp ý và đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Do kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý từ giáo viên hướng dẫn và Ban lãnh đạo Công ty để bài báo cáo được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133/2016/TT- BTC chế độ kế toán vừa và nhỏ.
2. Các văn bản: luật kế toán, các thông tư và nghị định.
3. Các trang web:
https://thuvienphapluat.vn/
https://ketoanthienung.net/
4. Thư viện Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.
5. Bài giảng kế toán Tài chính 1,2,3,4 Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN ……..

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày ..... tháng …… năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, ……, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- **Các công cụ AI đã sử dụng:**

.....

.....

.....

- **Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

.....

.....

.....

- **Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

.....

.....

.....

.....

.....

- **Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.**
    - ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____

PHỤ LỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01/LPMB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI LỆ PHÍ MÔN BÀI (01/LPMB)

[01] Kỳ tính lệ phí: Năm Năm 2025
[02] Lần đầu: [X] **[03]** Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Người nộp lệ phí: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI
[05] Mã số thuế: 0402176010

[06] Đại lý thuế (nếu có):
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:
[09] Khai cho địa điểm kinh doanh mới thành lập trong năm []

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên người nộp lệ phí hoặc tên địa điểm kinh doanh	Quận/Huyện	Tỉnh/Thành phố	Mã số thuế người nộp lệ phí hoặc mã số địa điểm kinh doanh	Vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư	Mức lệ phí môn bài	Số tiền lệ phí môn bài phải nộp	Số tiền lệ phí môn bài được miễn	Trường hợp miễn lệ phí môn bài
(1)	(2)	(3)	(3a)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	**Người nộp lệ phí môn bài**								
	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI	Quận cẩm lệ	Đà Nẵng	0402176010	1.500.000.000	2.000.000	2.000.000	0	
2	**Địa điểm kinh doanh** (ghi rõ tên)								
					0	0	0	0	
	Tổng cộng các địa điểm kinh doanh:						0		
	Tổng cộng:						2.000.000		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 02 tháng 01 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Bùi Thị Hậu Hữu

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KĨ THUẬT HỮU DUY KHÔI.*

Phụ lục 1: Tờ khai lệ phí môn bài